

ĐC

16

LƯƠNG HIỀN

ĐƯỜNG QUA BÃI MÌN

TRUYỆN

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG



LƯƠNG HIỀN

ĐCV 83(92)

Đ. 561. Q

ĐƯỜNG QUA BÃI MÌN

Tập truyện

~~XV~~

ĐC. 16

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG - 1986

CHÂN DUNG ĐỒNG ĐỘI

Có được gì không? Không được gì cả —
Nếu vậy thì đi!

Vào khoảng tháng 3 năm 1983—Lúc đó đang là mùa đánh cá ở đồng, ở sông rất rộ — Nguyễn Văn Ban tức Nam Sao, từ thôn Lễ Độ, xã Kim Anh, huyện Kim Môn, Hải Hưng, đang vào quê vợ ở Hà Trung, Thanh Hóa để kiếm sống và dạy cho cậu em trai vợ biết nghề đánh cá. Thì ở nhà, chị Ngự—vợ anh Nam Sao—nhận được một công văn do một đồng chí trong Ủy ban nhân dân xã chuyển đến, như sau:

«...Cơ quan Chủ nhiệm Công binh Quân khu 3—Kính gửi đồng chí Nguyễn Văn Nam Sao, cán bộ quân đội về hưu—Chấp hành Chỉ thị của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh quân khu và chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Công binh—và việc viết lịch sử quân sự—Cơ quan Chủ nhiệm Công binh Quân khu 3—tờ chức Trại viết chiến lược Công binh quân khu 3 nhằm mục đích ghi chép lại những trận đánh của Công binh trong 3 cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ và chống quân bành trướng Trung Quốc xâm lược, để góp phần tổng kết lịch sử quân sự chung của Quân khu và của binh chủng toàn quốc. Rút kinh nghiệm chiến thuật, kỹ thuật để góp phần xây dựng các phương án chiến đấu, bảo đảm công

trình phòng thủ bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn Quân khu, bảo đảm cho sẵn sàng chiến đấu trước mắt và lâu dài.

Kính mời đồng chí chuẩn bị thu xếp công việc gia đình để đến tham gia dự Trại. Sẽ mở vào cuối năm 1983. (Địa điểm, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau).

Đề nghị đồng chí suy nghĩ nhớ lại và chuẩn bị đề cương viết về: — Những trận đánh mình trên đường 5 trong chống Pháp và bảo đảm giao thông khu vực Đò Lèn — Hàm Rồng trong chống Mỹ.

Vì lòng yêu binh chủng, vì sự nghiệp của quân đội, vì thế hệ mai sau, đề nghị đồng chí cố gắng thu xếp công việc và đến gặp gỡ bạn bè, đồng đội cũ, tham gia hội thảo và dự Trại viết, góp phần với binh chủng.

Cơ quan Quân khu sẽ bảo đảm đầy đủ việc ăn, ở, sinh hoạt, phương tiện đi lại, lệ phí đi đường và sẽ có thù lao thích đáng.

Ký tên

Chủ nhiệm Công binh
Trung tá Nguyễn Lương

Chiếc công văn này đã làm chấn động dư luận nhân dân ở xã Kim Anh.

Kể từ năm 1972, giữa lúc chiến sự còn đang diễn ra ác liệt, tiểu đoàn trưởng Nam Sao từ chiến trường B ra, nhận được quyết định về hưu. Bà con xóm làng thì thảo luận nhiều về con người đã từng tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền ở địa phương, rồi gia nhập quân đội liên tục từ năm 1945 đến nay. Cùng lớp người đó, nhiều người đã lên tướng, lên tá, riêng Nam Sao vẫn với quân hàm thượng úy về hưu.

Bà con phỏng đoán chắc hẳn có những chuyện gì đây, có người cho là anh ta bị kỷ luật nên mới bị thải hồi... Kể thông cảm, người thương hại, kẻ xót thương, người an ủi.

Trong điều kiện gia đình khó khăn, Nam Sao yên phận lao vào con đường làm ăn sinh sống, chỉ còn giữ mối sinh hoạt Đảng ở địa phương, và dần dần cũng bị mai một đi, như kẻ vô danh tiểu tốt bình thường khác.

Tờ công văn, giấy mời nhỏ bé ấy tự dưng làm xôn xao dư luận bà con lối xóm.

— Chẳng biết ông Sao, ông ấy làm gì mà Quận khu lại có công văn về mời đi? Không khéo Quận khu lại mời tái ngũ cũng nên...

Họ khuyên chị Ngữ điện gọi anh ấy về xem sao đề mà chuẩn bị... Thế là chị Ngữ điện gọi anh Sao về thật. Anh Sao, tháng ngày đang lênh đênh trên con sông Lèn đánh cá kiếm tiền, thì nhận được điện: «Về ngay có việc cần». Đã hơn chục năm nay có nhận được điện như thế này bao giờ đâu, chắc là gia đình có ai ốm đau hoặc tai nạn gì rồi?— Thế là Nam Sao rời Thanh Hóa, về ngay quê.

— Nay, về chuẩn bị nhanh nhanh mà đi tái ngũ!— Từ đầu làng, bà con gặp gỡ đã mách bảo.

Về nhà, Nam Sao đọc đi đọc lại nhiều lần cái công văn mời trên. Anh vừa ngạc nhiên vừa cảm động.

— Quái, cái anh chàng ký giấy mời đây là ai nhỉ? Tại sao lại biết tên tuổi, quê quán mình mà mời?— Anh cố lục lọi trong trí nhớ, nhưng cũng không sao nhớ người ký tên, đóng dấu ở công văn được.

Hôm sau, anh đem công văn lên báo cáo Đảng ủy, Ủy ban xã, xin ý kiến các đồng chí xem có nên đi không. Anh lên huyện gặp một ông bạn cũ hiện làm ở Huyện ủy. Xem xong công văn, anh ta mách:

— Tướng là ai, chứ Nguyễn Lương là tiểu đoàn trưởng D27 trước đây đấy! Đạo ấy ông làm chủ nhiệm công binh Thanh Hóa mà không nhớ ông ấy à?

— Thế à? Có phải cái cậu đen đen, cao cao ấy phải không?

— Đúng rồi!

— Làm sao anh ta lại biết được mình đánh mình trên đường 5 nhỉ?

— Thế mới là Chủ nhiệm Công binh của thời đại này!

— Nếu vậy thì nên đi chứ anh?

— Nên đi quá chứ ỉ!

Huyện, xã và bà con ai cũng khuyên anh như thế.

Thế là từ hôm đó, bà con xã Kim Anh mới biết là xã mình cũng có một ông đánh mình trên đường 5 nổi tiếng từ những ngày đầu chống Pháp. Cảnh thanh niên, trước đây hay đến nhà ông để làm quen với con gái ông, thì nay chúng đến đông hơn, lâu hơn, để đòi nghe ông kể chuyện về đánh mình trên đường 5 và những cuộc chiến đấu khác.

— Gớm, bác Nam Sao kín tiếng thế!

— Chuyện, những người có chiến công người ta thường khiêm tốn và ăn dật như vậy đấy!

Không những cánh trẻ, mà cả cánh già cũng lấy nhà Nam Sao làm nơi gặp gỡ chuyện trò, ôn lại những chuyện chiến đấu năm xưa, ôn lại truyền thống của xã Kim Anh, của huyện Kim Thành, của Đường 5.

Kể từ tháng tư trở đi, chị Ngũ đã phải chi tiền chè, tiền thuốc láo tăng gấp bốn, năm lần những tháng trước đây. Tuy có tốn kém hơn, nhưng chị cũng rất vui, vì thấy chõng phẩn khởi hẳn ra—anh không lì xì như trước đây, và thấy bà con hàng xóm, láng giềng, cán bộ xã, huyện cũng kính nể anh hơn.

Tuy vậy Nam Sao vẫn còn băn khoăn: « Liệu mình đi như thế này, có sợ bị mang tiếng là cố đấm ăn

xôi không? Chắc! Suốt cả ngày đầu tắt mặt tối còn chả ăn ai, hưởng chi còn một chốc một lát khi trời sắp tối?».

Anh còn đang băn khoăn, chưa quyết định đi hay không, thì một hôm có một chiếc xe con đến tận cổng. Rồi đích thân đồng chí Chủ nhiệm Công binh Quan khu đến thăm và mời anh đi dự Trại viết chiến lệ. Lúc này anh mới nhận ra người quen. Hóa ra chẳng phải ai xa lạ: Cũng là cùng hội cùng thuyền dân công binh cả. Tuy nhiên anh cũng chỉ biết qua Nguyễn Lương chứ không thân quen. Anh tin rằng Nguyễn Lương với anh cũng như thế. Hơn nữa, Nguyễn Lương kém anh tám tuổi, là lớp đàn em của anh, thì làm sao anh biết được. Tuy vậy, thái độ khiêm tốn và hòa nhã của Nguyễn Lương đã chinh phục được anh ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên này. Nhưng anh vẫn còn một chút vướng mắc trong việc được, mất, sợ mang tiếng ăn thua.

Nam Sao hỏi thẳng Nguyễn Lương:

— Vậy tôi đi như thế này có được lợi lộc gì không?

Nguyễn Lương nhìn thẳng vào mặt Nam Sao và điềm tĩnh trả lời:

— Chẳng được lợi lộc gì cả.

— Trúng ý quá! — Nam Sao bỗng phá lên cười vang: — Nếu vậy thì đi!

Sáu Đậu là ai?

Vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, cả vùng đường 5 này, bao gồm cả tỉnh Hưng Yên và Hải Dương, rồi cả vùng đồng bằng Liên khu 3 đã lừng danh một người, được quần chúng suy tôn là « Vua mìn » đầu tiên trên đường 5 — Đó là Sáu Đậu!

Nhưng Sáu Đậu là ai? Vì sao anh ta lại được lừng danh như vậy?

Câu chuyện bắt đầu từ Nam Sao kể lại.

Khi đến trại viết, ngay từ những ngày đầu, người ta yêu cầu Nam Sao viết về đánh mìn trên đường 5. Nam Sao đã không viết về mình trước, mà lại viết về Sáu Đậu, về trận đánh mìn đầu tiên trên đường 5 của Sáu Đậu, mà Nam Sao được cùng tham gia với Sáu Đậu.

Đó là ngày 1-12-1946. Sau khi bọn địch đã nỡ súng đánh chiếm lại Hà Nội, chúng liền mở rộng bàn đạp, đánh chiếm ra các vùng lân cận và cáo tỉnh xung quanh. Chúng đã lập được một số đồn bốt trên dọc đường 5 và đang thực hiện các cuộc hành quân bình định các làng xóm trên dọc đường 5 và đường 39. Hôm đó chúng định hành quân vào càn quét khu vực cầu Lục Điền trên đường 39. Chúng cho một trung đội lính Âu-Phi có xe tăng và xe cơ giới đi hộ tống.

Lúc bấy giờ Sáu Đậu là chiến sĩ tự vệ huyện, được một cán bộ tiểu đội phó của Vệ quốc đoàn tỉnh đem về cấp cho huyện một quả mìn bằng dầu đạn 105mm mang từ quân khu về, và huấn luyện cho cách đánh. Đồng chí này cũng vừa mới được tỉnh cử đi học ở quân khu về, muốn được thực hiện lập công ngay. Người xung phong đánh trận mìn đầu tiên này là Sáu Đậu. Sáu Đậu hơn Nam Sao gần mười tuổi, anh tự xác định mình là bậc đàn anh của Nam Sao, nên đã chủ động nhận quả mìn này và bàn với Nam Sao tìm cách đánh.

Được Nam Sao giúp đỡ kỹ thuật, Sáu Đậu quyết định chọn trận địa ở phố Nối, chếch vào đường 39, vì anh phán đoán nhất định bọn địch sẽ phải qua đây.

Anh phân công Nam Sao gác cảnh giới, còn anh tự tay chôn mìn, rải dây và nằm phục kích ở một

bãi tha ma cách đó khoảng 150 mét. Lúc bấy giờ nguyên tắc là chỉ được một người xuất hiện, không đưa nhiều người, đề bảo đảm an toàn, bí mật, đề phòng địch bắt sống hoặc bắn, dỡ thiết hại.

Vào khoảng bảy giờ ngày 31-12-1946, địch từ đồn Bàn Yên Nhân cử một đại đội hành quân triển khai đội hình di càn, đến ngã Phố Nối thì trúng quả mìn của Sáu Đậu giật nổ. Chúng hỏng một xe GMC, năm tên chết và ba tên bị thương. Bên ta, Sáu Đậu và Nam Sao về an toàn.

Đây là trận mìn đầu tiên trên đường 5, nên bộ đội và nhân dân rất phấn khởi và tin tưởng.

Sau đó Sáu Đậu đánh liên tiếp mấy trận đều thắng lợi. Tư tưởng cũng dần dà chủ quan. Một hôm, chôn mìn xong, căng dây ngời chờ xe địch đến. Vì nghiện rượu nên lúc nào anh cũng có một bi-đông rượu kèm bên mình và thông thường hay mua mấy cái đậu đề nhắm rượu. Hôm đó, anh mua sáu chiếc đậu rán, xuyên dây treo vào cò, còn rượu thì đeo ở thắt lưng. Trong khi chờ đợi, anh định mang đậu và rượu ra nhắm, nhưng không kịp, xe địch đã đến trận địa. Anh vội vàng giật mìn rồi bỏ chạy. Trong khi chạy, vì lưng cuống bị vấp ngã, rơi mất sáu cái đậu. Mãi đến lúc về chỗ an toàn rồi mới biết.

Một số người hỏi anh :

— Anh có tiếc là quả mìn vừa rồi diệt được ít địch không? Sáu Đậu thân nhiên trả lời :

— Không tiếc, chỉ tiếc sáu cái đậu đánh rơi lúc nào không biết, nên phải uống rượu suông vậy.

Từ đó mới có cái biệt hiệu là « Sáu Đậu ».

Tên thật Sáu Đậu là Nguyễn Như Khuê, quê ở gần Yên Mỹ. Lúc bấy giờ anh khoảng 26, 27 tuổi, gia

đình nghèo, phải đi cày thuê cuộc mưu. Cách mạng tháng Tám cướp chính quyền anh Khuê là một trong những người đầu tiên tham gia tự vệ võ trang ở địa phương.

Một lần khác. Sáu Dậu chôn mìn đánh địch. Vì sợ nên đề địch phát hiện được, chúng gỡ mìn quá mìn. Trận đó, anh bị kỷ luật vì đề vũ khí rơi vào tay quân thù. Đồng chí trung đội trưởng giao cho Sáu Dậu nhiệm vụ phải treo được cờ đỏ sao vàng vào chính giữa đồn Pháp ở Bản Yên Nhân, đề lập công chuộc tội, nếu không sẽ bị phạt nặng hơn.

Sáu Dậu nghĩ mãi cuối cùng ra được một kế. Anh rất bí mật, không cho ai hay biết. Suốt cả đêm chỉ ngồi trầm ngâm uống rượu, không đi ngủ. Một số chiến sĩ được giao nhiệm vụ phải thức và đi cùng đề theo dõi và bảo vệ Sáu Dậu, nhưng cũng chẳng biết kế hoạch anh ra sao. Họ tin rằng anh không thể treo được cờ, vì bọn địch gác rất cẩn mật, các lần giao gác cũng rất chặt chẽ, không thể lọt không thể hở một cơ hội nào cả. Các đồng chí chiến sĩ trẻ thấy bất lực, lần lượt ngủ hết, chỉ còn lại mình anh vẫn ngồi uống rượu chờ đợi.

Mãi đến 5 giờ sáng, trong đồn Pháp thòi kèn báo thức « tí te... tí te... ». Bọn lính dậy đi ngoài và chuẩn bị tập thể dục buổi sáng. Lúc đó mấy đồng chí của ta gác theo dõi, bỗng không thấy Sáu Dậu đâu cả, ai cũng lo không biết anh ấy đi đâu, nhờ bị địch bắt thì sao. Chỉ một lát sau, bỗng thấy trong đồn có lá cờ đỏ sao vàng được kéo lên và đang bay phấp phới trong gió sớm và ánh bình minh rất đẹp. Rồi người ta thấy anh Sáu Dậu mặc quần đùi, áo may-ô xuất hiện.

Lúc này anh em mới vỡ lẽ là Sáu Dậu đã lợi dụng lúc địch vừa báo thức, trời còn nhá nhem, quân

lính dậy đi lại lộn xộn, anh đã mặc đúng như bọn lính trong đồn, quần đùi, áo may-ô trắng, lặn vào treo cờ làm chúng chẳng biết ai vào ai. Kéo cờ xong, anh ung dung đi ra ngoài như lính trong đồn đi đại tiện vậy.

Sáu Dậu đánh rất nhiều trận trên đường 5, trận nào cũng gan dạ, dũng cảm, tiêu diệt được nhiều địch. Anh được cấp trên tin tưởng, nhân dân tin yêu, quân ta thán phục và kẻ địch khiếp sợ, nên đã được tuyên dương công trạng ở tỉnh, ở quân khu, được quần chúng nhân dân suy tôn là ông « Vua mìn » đầu tiên trên đường 5. Ngay chính bọn địch cũng phải gọi anh là ông « Vua mìn » đáng sợ, và ra sức vây ráp, càn quét, lùng bắt anh, treo giải thưởng lấy đầu anh rất cao.

Vào khoảng cuối năm 1948, do một nguyên nhân nào đó (hoặc sức khỏe, hoặc gia đình, hoặc tư tưởng), Sáu Dậu đã bỏ đường 5, bỏ đồng đội, ra ngoài làm ăn kiếm sống ở Việt Bắc. Khi hòa bình lập lại, về bán thịt chó ở một chợ quê, đến ngoài bảy mươi tuổi thì già yếu ốm chết.

Năm 1964, tỉnh và quân khu có mở trại viết và in sách hồi ký về chiến đấu. Trong số những tập sách được in và phát hành, kể cả tập « Sấm đường 5 », người ta đều không tìm thấy tên tuổi hay bóng dáng của Sáu Dậu trong một trang sách nào cả(!).

Trong đợt viết chiếu lệ vào năm 1983 này, tên tuổi Sáu Dậu và những trận đánh mìn của anh được nêu lên hàng đầu. Bởi vì quả mìn đầu tiên nổ trên đường 5 không thể là quả mìn nào khác và người đầu tiên dám đánh mìn giết giặc trên con đường ấy không thể thay tên là ai, ngoài Sáu Dậu được.

**« Vua mìn » và chuyện tiểu lam
« Cứ thế mà đi »!**

Đó là Nguyễn Văn Thòa, một ông « Vua mìn » trẻ nhất, mà cũng là già nhất, một ông vua « trị vì » được lâu nhất, bền bỉ nhất, liên tục suốt trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, từ một anh chiến sĩ du kích năm 1946—1947 trưởng thành đến huyện đội phó Kim Thành năm 1954.

Nguyễn Văn Thòa sinh năm 1920, quê ở xã Đại Đức thuộc huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cũ, bây giờ là huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng. Một đặc điểm của ông « Vua mìn » vùng Kim Thành này là ở cách xa đường 5 những mười ki-lô-mét, chứ không phải là người ở sát đường 5.

Năm 1946, khi địch phản bội Hiệp ước 14-9 ký tại Phòng-ten-nơ-blô, đánh chiếm và bình định xong Hải Phòng, chúng mở những cuộc càn đề đánh chiếm và bình định ra xung quanh, trước hết là đánh chiếm con đường giao thông huyết mạch từ Hải Phòng lên Hà Nội — con đường 5. Từng đoàn xe tăng, xe bọc thép hộ tống những đại đội, tiểu đoàn, binh đoàn quân Pháp đi bắn phá, chém giết và thiêu hủy, triệt hạ những xóm làng trên dọc đường 5 một cách dã man, tàn khốc.

Trong khi những người dân sát đường 5 vội vàng sợ hãi bỏ chạy đi tản cư cách xa đường 5, kè cả những thanh niên trai tráng, thì những người du kích của các xã phía trong lại chạy ngược lại, ra bám lấy đường 5 để chặn đánh địch bằng giáo mác và vũ khí thô sơ...

Nguyễn Văn Thòa đã đánh hàng trăm trận trên đường 5 và xung quanh đường 5, các hành lang bảo vệ con đường chiến lược quan trọng bậc nhất này,

trong đó có rất nhiều trận nổi tiếng. Trận lớn nhất là « trận địa lôi cuối năm » trước Tết 1954.

Đạo đó ta đang đánh mạnh ở chiến dịch Điện Biên Phủ. Bộ Tổng tư lệnh phát động một phong trào đánh phối hợp với Điện Biên Phủ trong toàn quốc, đề căng địch ra mà đánh, buộc địch phải đối phó khắp nơi, ngăn chặn và hạn chế sự chi viện cho tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, tạo thế cho quân ta tiêu diệt chúng.

Nguyễn Văn Thòa đã nghiên cứu kỹ địa hình, tìm hiểu quy luật hoạt động đường sắt của địch. Và với kinh nghiệm của mình, anh đã bày binh bố trận, đánh một trận mìn tuyệt đẹp trên đoạn đường sắt ở ga Phạm Xá. Đó là ngày 31-1-1954, tức ngày 28 Tết âm lịch, một tờ đánh mìn của bộ đội Kim Thành có ba người, gồm Trường, Đoàn do Thòa chỉ huy, đã giật mìn làm đổ một đoàn tàu hỏa ba mươi một toa, tiêu diệt 1.017 tên địch gồm toàn bộ tiểu đoàn Âu-Phi vừa từ Ma-rốc sang Đông Dương, đi tăng cường bổ sung cho Điện Biên Phủ, và làm tắc đường giao thông trong hai ngày.

Trận dạn thò đánh mìn ở gần cống Ngộ Dương trên đường 18 nối ra đường 5 ngày 25-12-1950 do Nguyễn Văn Thòa đóng giả làm một cô gái cắt cỏ đề chỉ huy. Thòa đã chờ bọn địch đến gần đề tán tỉnh, ve vãn, rồi bất ngờ vén váy rút tiêu liên ra bắn chết hai tên địch, ba tên bị thương. Đồng thời một tiểu đội du kích đội hầm nhảy lên đánh địch bằng mìn tẩu, gậy gộc, dao găm, diệt gần một trung đội địch.

Nguyễn Văn Thòa không những nổi tiếng về tài mưu trí dũng cảm đánh giặc, mà anh còn nổi tiếng là một cây tiêu lâm, rất vui nhộn và nghịch ngợm, ngay cả trong sinh hoạt và trong lúc đánh địch.

Một hôm, đội du kích tập trung của anh tổ chức diễn kịch cho nhân dân xem. Có hai cô gái nấu ăn cho đội, sau khi thu dọn xong, vội vàng đi tắm rửa để kịp ra đình xem kịch. Lợi dụng lúc nhà nhem tối và không có người ở nhà, hai cô liền cởi quần áo xuống ao tắm. Giữa lúc đó Thòà từ ngoài đình về thay áo để đóng kịch, thấy tiếng léo nhéo dưới ao, biết là các cô gái, anh rón rén bước ra định làm một trò ú tim cho các cô hết hồn. Nhưng ra đến nơi, chính Thòà lại há hốc mồm ra, khi thấy những thân hình lờ mờ dưới cầu ao. Thòà vội vàng ngồi thụp xuống bên gốc chuối, không dám lên tiếng. Hai cô đã tắm xong, đứng lên vượt nước cho khô trước khi mặc quần áo. Một cô đập vào người mình bôm bốp và bảo cô kia :

— Giá cứ để thế này mà đi xem kịch thì?

— Ừ thì, thế thì cả làng chạy hết!

Các cô dấm bốp nhau rồi cười khúc khích, làm Thòà cũng tức bụng nên hơi xuýt nữa bật thành tiếng. Anh phải chờ cho các cô mặc quần áo xong, đi ra công, rồi mới lặng lẽ đi sau ra đình lên sân khấu.

Trưa hôm sau, trong lúc hai cô đang nấu cơm, Thòà đi trình sát về, anh múc nước, cởi trần rửa mặt lau người. Nhân lúc vắng người, chỉ có hai cô, nhớ lại chuyện tối qua, Thòà cũng lấy tay đập vào bụng mình bôm bốp và nháy các cô gái :

— Cứ để thế này mà đi xem kịch thì hay thì?

Hai cô gái bỗng ngạc nhiên ngó ra, trong giây phút các cô hiểu ngay là mình đã lộ bí mật với anh chàng đội trưởng này. Thế là các cô đỏ bừng mặt lên, dấm vào nhau thùm thụp.

— Khi gió cái nhà anh này, đứng đâu mà người ta không biết!

Một cô xấu hổ quá, bỏ chạy một mạch về nhà mình ở làng dưới, không dám quay lại nấu cơm cho đội nữa.

Từ đó đội du kích có thêm chuyện tiêu lam « Cú thể mà đi xem kịch ».

Sau hòa bình lập lại, Tỉnh đội tổ chức mừng công. Người ta nhắc đến chiến công đánh tàu ở ga Phạm Xá. Và người được khen thưởng cao nhất lúc đó là chiến sĩ tân binh Nguyễn Văn Trường với lý do: Chính Trường mới là người cầm dây giật mìn (!). Còn Thừa chỉ là người chôn, quan sát và chỉ huy, chứ không trực tiếp giật, nhưng cũng được khen thưởng nhưng thấp hơn. Từ một chiến công Phạm Xá, Trường được nhân thành tích lên và được khen thưởng ngày càng cao, được « bồi dưỡng » thành tích từ ít thành nhiều, từ nhỏ thành lớn, rồi được bầu là chiến sĩ thi đua ở huyện, tỉnh, đến quan khu và toàn quốc. Song song với khen thưởng là kết nạp Đoàn, Đảng và đề bạt phong cấp phong chức.

Năm 1955, khi Nguyễn Văn Thừa vì trình độ văn hóa kém không xây dựng quân đội chính quy hiện đại được, nên cho chuyển ngành ra ngoài, làm công tác bảo vệ gác cổng của một Công ty nuôi cá, thì Nguyễn Văn Trường đã lên tới chức chính ủy một đơn vị tàu biển rồi đưa vợ con ra làm ăn sinh sống ở Hải Phòng. Tuy nhiên, hàng năm Trường vẫn đánh xe con đưa vợ con về quê ăn tết với gia đình. Nhưng gần ba mươi năm nay chưa bao giờ Nguyễn Văn Thừa gặp lại người chiến sĩ cũ của mình, mặc dù quê họ chỉ cách nhau chưa đầy ba ki-lô-mét (!)

Ba mươi ba năm sau

Một chiếc xe con chở Trung tá Chủ nhiệm Công binh Quân khu và đồng chí Nam Sao —nhóm trưởng

nhóm viết chiến lỆ đường 5 của Trại viết Công binh Quân khu 3 — hỏi thăm đến nhà bà Đào Thị Lự ở thôn Vũ Xá, xã Ái Quốc. Xe dừng lại cạnh một sân kho.

— Thế các ông hỏi gì bác Lự cháu đấy? — Một bà trạc trung tuổi đang vác cuốc ra đồng, lo lắng hỏi.

— Về bắt bà ấy đây!

— Ấy chết, sao lại bắt, bác cháu có tội gì cơ ạ?

— À, bà ấy có tội đánh mìn làm dờ một đoàn tàu của Pháp ở gần đầu cầu Phú Lương, có phải không?

— Ôi, đúng rồi! Tưởng tội gì, chứ tội ấy thì mừng cho bác cháu quá rồi!

— Khờ quá, mấy chục năm nay có ai nhắc gì đến bác cháu đâu?

— Ôi, các ông các bà này, xe của bộ đội! Các ông ở tỉnh hay quân khu?

— Ở quân khu cơ à? Ở tận quân khu đón bác Lự đây này!

— Thế thì vinh dự cho bác cháu lắm! Chúng tôi cũng mừng cho bác ấy. Đây, các ông cứ đi theo ngõ này đến chỗ cái bia đá rẽ tay trái theo bờ ao là đến nhà bác cháu đấy!

— Hình như bác cháu cũng vừa đi làm đồng về đấy!

Khá nhiều người xúm lại quanh chiếc xe con, hồ hồ hỏi thăm và kể chuyện.

Đoàn cán bộ quân khu vào đến nhà bà Lự. Bà đang dọn chuồng phân cùng cô con gái vừa tốt nghiệp bác sĩ trường Y Thái Bình đang nghỉ phép ở nhà. Chỉ có ông chồng — cán bộ phòng Văn hóa huyện Nam Sách về hưu — đón tiếp đoàn.

Sau khi nghe rõ mục đích, ý nghĩa và nhận giấy mời bà Lự thân nhiên trả lời:

— Ôi, tôi chả dám đi đâu. Đạo đó tôi chỉ tham gia đánh mìn có một trận thôi mà, còn chủ yếu tôi chỉ làm liên lạc chạy công văn bí mật thôi... — Dừng một lát, bà ngập ngừng nói tiếp: — Mà trận ấy tôi cũng chỉ là phối hợp, phục vụ cho các anh bộ đội tinh thôi, chứ tôi đã biết đánh mìn là gì đâu? Giá mà các anh mời được anh Ngung nhi? Anh ấy làm tờ trưởng đánh trận ấy đấy! Tội nghiệp cho anh ấy quá!

— Làm sao cơ? — Cán bộ Quân khu hỏi.

— Ngay sau khi tàu đổ, khi rút lui, anh ấy bị bắt rồi bị đi đày ở đảo Phú Quốc. Hòa bình lập lại, còn sống, được trao trả tù binh. Nhưng từ khi về đến nay vẫn hai bàn tay trắng.

— Sao?!

— Khờ quá, không có chứng cứ gì, cũng không có ai xác nhận, đảm bảo cho cả, nên chẳng có thành tích gì, chẳng được hưởng quyền lợi gì hết!

— Sao bà biết?

— Cách đây mấy tháng, có một ông thầy lang xuống đây chữa bệnh, bác Ngung mới nhờ ông lang đến hỏi thăm tôi xem còn sống hay chết? Chả là vì hôm đó bác ấy cũng nghe tin là tôi cũng bị bắt.

— Thế sao bà không chứng nhận thành tích chiến đấu cho bác ấy?

— Tôi cũng đang muốn như thế. Tôi sẵn sàng xác nhận ngay, nhưng biết thủ tục nên làm ra sao, nói với ai, đưa lên đâu bây giờ? Nên vẫn còn băn khoăn và thương hại cho bác ấy quá!

— Thế thì bác hãy cùng cơ quan Quân khu chúng tôi làm thủ tục xác nhận lại cho bác Ngung nhé!

— Thế thì còn gì bằng! Tôi sẵn sàng ký nhận cả hai tay. Tội nghiệp cho bác ấy quá! Nghe ông lang nói là từ khi đi tù ở Phú Quốc về, bác ấy cứ bị đau

Ôm luôn vì bị tra tấn tàn nhẫn, lại thêm mất hết quyền lợi chính trị nên buồn chán, càng ốm yếu thêm, cứ định khỏe sẽ xuống tìm tôi hỏi xem sao, nhưng mãi vẫn chưa đi nổi.

Đi tìm người cùng xóm

Trại viết chiến lệ Công binh quân khu 3 mở được ít lâu, đồng chí chủ nhiệm Công binh đặc biệt quan tâm đến nhóm đường 5 là một trọng tâm trong đợt đầu tiên thí diêm này. Khoảng một tháng sau, số lượng chiến lệ đường 5 cũng đã viết được khá khá, gần ba mươi bản, nhưng chỉ mới tập trung và nời lên ở khu vực Kim Thành mà thôi.

Chủ nhiệm Công binh băn khoăn :

— Nói đến đường 5 là phải nói đến tất cả các địa phương theo chiều dài của đường, chứ đâu phải chỉ có Kim Thành. Đánh rằng Kim Thành là diêm nời bật nhất.

Từ đó, anh liền xuống các cơ sở của Hải Hưng tìm hỏi và gặp gỡ một số cán bộ cũ ở đường 5.

— Có đây! Khu vực Cầm Giàng — Hải Dương đạo đó có một đơn vị công binh chuyên môn đánh mìn. Gọi là đơn vị S20. — Một cán bộ cũ của tỉnh Hải Hưng nói với đồng chí Chủ nhiệm Công binh.

Sau đó, đồng chí cũng kê ra được một số tên người, nhưng kẻ mất, người còn, bây giờ không biết ở đâu.

Và thế là Nam Sao được cử ở lại, chống gậy đi tìm S20. Anh đi dọc theo con đường sắt từ Hải Dương đi Cầm Giàng, Lạc Đạo, Đình Dù. Lại đi theo con đường 5 từ Phố Nối trở về Quán Gỏi, đến Hải Dương. Trong mười ngày la cà ở các địa phương, Nam Sao đã tìm hiểu, ghi chép được một

số trận đánh, bắt mỗi tìm được một số người cũ. Bác Hai ở ga Cầm Giang bảo tìm đến bác Phúc ở ga Lạc Đạo. Bác Phúc lại bảo tìm bà Bảy ở Sặt, v.v.,. Cứ như thế, người này truyền người kia, mỗi người lại bổ sung thêm một vài trận đánh, một vài mẩu chuyện hoặc những chi tiết về hoạt động đánh mìn của đơn vị S20 và của du kích địa phương, mỗi người lại bổ sung thêm một vài tên người đã trực tiếp hoặc tham gia chiến đấu, hoặc biết về những trận đánh hồi đó.

Sau hàng chục người giới thiệu, đề tìm ra manh mối người cuối cùng tìm được về đơn vị S20 thì chẳng phải là ai xa lạ, lại chính là người cùng quê với Nam Sao, ở xã Kim Anh, Kim Thành. Đó là Nguyễn Văn Ninh ở cách nhà Nam Sao chưa đầy năm mươi mét, xóm trên, xóm dưới chỉ cách nhau một cánh đồng.

Nam Sao và Nguyễn Văn Ninh đã từng sinh hoạt Đảng cùng một đảng bộ với nhau, thỉnh thoảng họp hành ở địa phương vẫn gặp nhau, và trong sinh hoạt hàng ngày trong làng ngoài xóm vẫn chào hỏi nhau. Cũng chỉ biết là cùng cảnh cán bộ bộ đội về hưu, thế thôi. Còn mãi làm ăn, ai lo phận ấy, gia đình con cái, con lợn con gà.. làm gì có thời gian mà gặp gỡ tìm hiểu sự tích chiến đấu và quá khứ của nhau, trừ những trường hợp có người nào đó có chuyện gì đột xuất nổi lên về chính trị, xã hội hoặc cuộc sống như: được đơn vị cũ đến mời đi, cơ quan thuế vụ đến khám nhà, bỗng dưng chết đột tử, v.v. thì người ta mới xúm lại bàn tán xì xào, và lúc đó lý lịch của chủ nhân lại theo đà của sự kiện « giầu đờ bìm leo » mà được nhân lên, tô hồng hoặc bôi đen rất nhanh, nếu cán bộ điều tra thăm tra không có con mắt tinh tường và cái tai trong suốt thì dễ bị sa vào những chuyện ảo ảnh hoang đường, phán xét người theo hướng chủ quan, chỉ gây rối thêm sự việc.

Nguyễn Văn Ninh và Nam Sao không có trong số những người đó. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, đời sống chật vật buộc họ chỉ chú ý yên phận làm ăn, ít lo nghĩ gì công việc của người khác và của xã hội.

Khi chiếc xe con dừng lại ở cổng nhà, thì Nguyễn Văn Ninh đang vẽ nốt tấm bản đồ quy hoạch ruộng đất của hợp tác xã. Trong quân đội, anh là sĩ quan tham mưu tác chiến, về xã anh đã tìm được việc hợp với sở trường mình và cũng đề kiếm thêm công điền, thêm thóc nuôi một đàn con chín đứa còn lóc nhóc.

Khi Nam Sao giới thiệu đồng chí Chủ nhiệm Công binh và Chủ nhiệm Công binh mời Ninh đi dự Trại viết, anh sẵn sàng nhận ngay, nhưng chỉ còn băn khoăn có một điều:

— Đạo đó tôi mới chỉ là tiểu đội trưởng, phụ trách một mũi, một hướng, nên không thể nắm hết được toàn bộ các trận đánh của S20, mà S20 thì đánh nhiều lắm.

— Điều đó không lo, biết đến đâu nói đến đấy; nhớ đến đâu ghi đến đấy, chúng tôi sẽ tạo điều kiện đề các đồng chí nhớ lại được, và cũng sẽ lần mò tìm thêm nhiều đồng chí nữa.

Nguyễn Văn Ninh chỉ xin lui lại một tuần đề hoàn chỉnh tấm bản đồ ruộng đất giao cho xã và đề bàn giao một số việc của Chi ủy cho đồng chí khác, vì Ninh phụ trách bí thư Chi bộ Đảng của Đội sản xuất trong xóm anh.

Đúng hẹn, một tuần sau chiếc xe con về đón Nguyễn Văn Ninh đến Trại viết, trong khi đó Ninh cũng đã chuẩn bị được một số tài liệu ghi vào giấy, anh mang theo bản nháp đầu tiên của cuộc đời anh kể từ ba mươi năm qua đến Trại.

S20 là gì?

Nguyễn Văn Ninh kể lại: Vào khoảng cuối năm 1953, chiến dịch Điện Biên Phủ đã bắt đầu và đang diễn ra quyết liệt. Bọn địch tăng cường đồn bốt trên đường 5 để giữ vững mạch máu giao thông chiến lược này, đề chờ quân tăng viện và tiếp tế vũ khí đạn dược từ Hải Phòng lên Hà Nội, rồi từ Hà Nội bằng máy bay lên Điện Biên.

Trước đây, các đơn vị công binh, các đội du kích đánh mìn trên đường 5 — cả đường bộ và đường sắt — thường dùng dây đề giật cho mìn nổ. Muốn vậy phải căng dây từ quả mìn ra đến vị trí điểm hỏa có một cự ly an toàn cho người giật phải từ 100 một trăm đến một trăm rưỡi mét.

Trước đây địch còn canh gác sơ sài, tuần tra thưa thớt, nên việc chôn mìn, căng dây và nguy trang còn che được mắt địch. Nhưng đến nay, sau khi bị thất bại nhiều, chúng đã xảo quyết hơn, tăng cường bố phòng chặt chẽ bằng cách phát quang, san ủi hai bên đường thành vành đai trắng cách xa năm trăm mét không cho dân cư ở, đề cho ta không còn nơi che khuất ẩn nấp, đề cho các tở dò mìn, cào dây của công binh địch được dễ dàng phát hiện mìn ta. Đồng thời, chúng tăng cường đóng thêm nhiều đồn bốt, chỉ cách nhau ba, bốn ki-lô-mét một đồn, mỗi ki-lô-mét một tháp canh, mỗi cột điện là một tên lính gác. Mặt khác, tăng việc tuần tra trên đường, tăng cường các tở, đội công binh dò, gỡ mìn. Có hôm có tàu, xe đặc biệt thì chỉ mười lăm phút chúng lại đi dò, gỡ mìn trên đường một lần.

Vì vậy việc đánh tàu, xe trên đường 5 ngày càng khó khăn, nhất là ở khu vực Kim Thành, số lượng tàu, xe địch bị diệt giảm xuống quá ít, số lượng tàu, xe địch chạy thoát quá nhiều. Việc đánh mìn giật

dây không thực hiện được, chỉ còn cách nghiên cứu cách đánh mìn tự động, cho tàu, xe đi vào là nổ ngay.

Bộ chỉ huy Tỉnh đội Hải Dương quyết định thành lập một trung đội công binh đánh mìn tự động trên đường 5, hoạt động ở khu vực Cầm Giàng, lấy biệt hiệu là S20. S là ký hiệu con đường 5, giống chữ số 5 viết thấu (xanh cò). Còn 20 là, đơn vị thành lập ngày 20. Trung đội này được lựa chọn kỹ, gồm những đồng chí đã có kinh nghiệm đánh mìn, phần lớn là người Kim Thành và một số người địa phương Cầm Giàng thành thạo địa hình. Chỉ huy trung đội đầu tiên gồm đồng chí Nguyễn—chính trị viên, đồng chí Tuy—trung đội trưởng và đồng chí Trường—trung đội phó.

Việc làm ăn (đánh mìn) trên đường 5 lúc này ngày càng khó khăn. Công tác tổ chức chiến đấu phải hết sức tinh vi, chặt chẽ, nếu không sẽ bị thất bại. Từ việc trinh sát theo dõi nắm quy luật địch đến việc tổ chức bố trí mìn, từ việc nguy trang đến việc đi lại, phải dùng nhiều biện pháp khôn khéo, nghi binh đánh lừa địch. Đây chính là việc đấu trí với địch, một kẻ địch rất khôn ngoan, xảo quyệt.

Sau một thời gian nghiên cứu, huấn luyện và chuẩn bị chiến trường, S20 ra quân trận đầu tiên ngày 22-12-1953, quyết tâm lập thành tích chào mừng ngày thành lập quân đội 22-12 và phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ. Đó là trận đánh mìn tự động tại khu vực đường sắt Đồng Liêu đi Cao Xá.

Bộ phận trinh sát nằm ở Thạch Lỗi, Kim Đồi, Bàng Quả, Phú Quân, thường xuyên bám sát dân, bám sát địch ngày đêm và điều tra nắm quy luật hoạt động của địch. Đơn vị cử một tiểu đội mười người và hai du kích Kim Đồi do trung đội phó Trường chỉ huy. Trang bị bốn súng trường, ba tiểu liên, một mìn tự động 20kg, một cạm tự động diêm hỏa do

đơn vị vừa mới nghiên cứu sản xuất bằng gỗ và một mìn giả bằng củ chuối.

Kế hoạch đêm thứ nhất mới đặt mìn giả để xem hôm sau địch có phát hiện được không. Đêm thứ hai mới đặt mìn thật. Do kỹ thuật chôn mìn của các chiến sĩ ta rất thành thạo và thận trọng nên địch không phát hiện được gì. Tám giờ sáng ngày hôm sau, 12-12-1953, một đoàn xe hỏa chở đầy vũ khí của địch tới. Một tiếng mìn nổ dữ dội, khói chòm cả đầu máy, đoàn tàu và ngọn lửa bốc cháy, khói cao đen sì. Kết quả: một đầu máy và bốn toa xe bị lật nhào xuống đường, bốc cháy cả, còn lại bốn toa khác cũng bị đổ nghiêng xô lên nhau gãy nát, một tiều đội địch đi bảo vệ tàu bị chết, đường sắt bị tắc suốt một ngày hôm đó.

Nguyễn Văn Ninh còn viết được khá nhiều trận về S20, trong đó nhiều trận thắng lợi và có cả những trận thất bại của chính tiều đội trưởng Ninh lúc bấy giờ, làm anh cùng đơn vị đều bị kỷ luật.

Đó là trận đánh mìn trên đường An Điền đi Mai Chung ngày 20-1-1954. Vì muốn đánh trúng từng toa tàu theo ý định, nên đơn vị đã gây nổ bằng dây điện, đấu với hộp pin một trăm quả. Nhưng do sơ suất về kỹ thuật, trình độ hiểu biết về điện kém, nối dây điện bị hở nên mìn không nổ. Sau đó, bị địch phục kích bắn làm hy sinh và bị thương một số. Chúng đã dò và đào gỡ mất ba quả mìn, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ.

— Đó là bài học xương máu của tôi. — Nguyễn Văn Ninh nói — Tôi ghi lại để đời sau rút kinh nghiệm. Có tinh thần dũng cảm đánh địch chưa đủ, mà còn phải có trình độ kỹ thuật thành thạo và công tác tổ chức chỉ huy giỏi mới thắng được địch. Nhất là đối với chiến tranh tương lai sử dụng nhiều binh khí kỹ thuật hiện đại.

VINE BIỆT ĐÈO LÙNG LỒ

I

Mới đó mà thấm thoát đã ba mươi năm.

Tôi hồi nhớ lại những kỷ niệm xa xưa, từ những ngày đầu chiến dịch, tưởng như vừa mới hôm qua. Những hình ảnh sống động, cảnh vật, con người đang còn như in rõ nét trong tôi. Và nỗi day dứt băn khoăn cũng trở dậy cùng với những hình ảnh mờ mờ của cuốn phim thời sự đang diễn qua trước mắt tôi. Nỗi nhớ nhung, nỗi day dứt đau đáu trong tôi tưởng chừng đã lãng quên đi hay lãng động lại, nhưng có lúc lại bùng lên sôi sục. Tôi muốn bay thẳng tới con đường đèo xiết bao yêu thương đó. Tôi sẽ đứng trên đỉnh đèo, ở mô đất cao nhất, có gốc cây cụt do bom tiện đứt. Và tôi gọi tên em thật to. Không có tiếng em đáp lại. Tôi gào, tôi hét, át cả tiếng gió, át cả tiếng súng của trận địa cao xạ đang bắn máy bay, át cả tiếng động cơ của đoàn xe đang ầm ì lên dốc qua đèo.

Vẫn chẳng có tiếng em đáp lại. Tiếng của tôi đã khản đặc, mất hút vào không trung, chìm lắng vào những hố bom sâu thẳm. Không một hồi âm, âm vang. Thất vọng. Từ đỉnh núi, tôi chạy lao xuống dốc, nơi tiếng bom vừa nổ. Vừa chạy tôi vẫn vừa gào to gọi tên em, mặc dầu tiếng tôi không còn ra hơi nữa, mặc dầu tôi bị vấp ngã nhiều lần, đúng hơn là tôi lăn

xương dốc, tôi đang trượt xuống dốc. Tôi tận chân
dào bên bờ suối chỉ còn lại một hố bom đen ngòm
hòa vào trong bóng đêm.

Tiếng còi ô-tô trên đèo thúc giục, tôi cúi xuống
hố bom. Không. Tôi đang phủ phục xuống bờ hố
bom, dè dặt mắt ra nhìn xuống đáy, hy vọng tìm
thấy một hình ảnh thân quen. Chỉ có hố bom sâu
thẳm đen ngòm.

Tiếng còi ô-tô lại thúc giục. Đoàn xe đã đi xa
không còn tiếng ầm ì. Không còn tiếng máy bay.
Không còn tiếng súng đạn. Không còn cả tiếng hò
tiếng hát. Bốn bề vắng lặng như tờ.

Hình như có một bàn tay nào đó đã nắm vào cánh
tay tôi, nâng tôi đứng dậy. Và một tiếng thì thầm
bên tai tôi như vỗ về, an ủi tôi. Trong mắt tôi bỗng
nhiên cay cay, và những giọt nước nóng ấm lăn
trên má.

Tiếng còi ô-tô lại thúc giục. Bỗng nhiên tôi vùng
lên khỏi hố bom, chạy một mạch lên đỉnh đèo. Tôi
đến chiếc xe còn lại duy nhất của tôi. Tôi nhảy lên
xe, nổ máy. Tiếng máy nổ giòn làm tôi như bừng
tỉnh. Tôi kéo đèn gầm, cho xe bò đi. Trước mắt là
sương mù hay nước mắt mà kính xe bị mờ thế? Tôi
bật tắt cả đèn pha, cả đèn vàng, tăng số cho xe lao
đi như điên trên con đường vòng vèo qua dốc.

Con đường đầy ò gà với những hố bom chỉ chít,
nhưng tôi không hề biết xe xóc là gì. Không đập
phanh, không giảm số, xe tôi cứ lao đi, lao đi vun
vút, làm đồng chí lái phụ ngồi bên cạnh tái mét mặt,
tay bám chặt lấy cửa xe, há hốc mồm không dám nói
một câu, hay cậu ta có nói một câu gì đó nhưng tôi không
nghe thấy. Tôi chỉ thấy tiếng máy xe nổ giòn, tiếng
gió rít qua cửa xe, tiếng cành lá nguy trang xe va
đập vào những cây cối ven đường.

Theo quy định, các xe phải đi đèn gầm đèn tránh máy bay, nhưng tôi bất chấp cả quy định. Cả ba ngọn đèn pha của xe tôi đều sáng trắng, xuyên thẳng vào màn đêm rất xa, sáng cả một vùng rừng, làm cho các trạm gác, các người trên đường hô thét, làm ký hiệu bất tôi tắt đèn đi. Mặc kệ! Tôi cứ lao xe đi với những ánh đèn hắt lên nền trời và chạy theo con đường làm sáng khắp khu rừng.

Trong đầu tôi lúc đó chỉ còn một ý nghĩ: Phải đuổi kịp đơn vị! Chắc hẳn đơn vị đã đến bến Tạ Khoa. Chúng tôi vượt qua sông Đà trước khi trời sáng. Đồng chí đại đội trưởng đã phở biến nhiệm vụ như thế. Phải chạy cả ban ngày, qua cung đường Hát Lót, đến Sơn La. Đến đêm mai phải đến trạm quân giới của chiến dịch — ở gần Him Lam. Trên xe tôi trở đầy đạn pháo. Chiến dịch đang chuẩn bị bước vào giai đoạn tổng công kích.

Những đoàn bộ đội, dân công, xe thồ cứ tràn cả mặt đường mà đi. Khi thấy xe tôi xuyên đèn cực sáng vào mắt họ, và những tiếng còi giục giã như còi cấp cứu, và xe lao đi với tốc độ nhanh, họ phải ngã giạt vào bên đường, tránh cho xe tôi, như tránh một con trâu lồng.

Mặc kệ! Xe tôi cứ lao đi, xuyên vào màn đêm. Liệu tôi có bị muộn không? Có kịp qua sông trước khi trời sáng không? Nào pin... pin... tránh ra! Tránh xa ra — pin pin pin...

Anh vẫn còn nhớ, trước khi nhảy lên xe, anh đã quay lại nhìn cái hố bom sâu thẳm một lần nữa: Vĩnh biệt em! Vĩnh biệt!

Anh mở cửa xe bước lên ca-bin. Tiếng máy nổ. Xe từ từ chuyển bánh, anh vẫn còn thò đầu ra cửa, ngoái nhìn xuống chân đèo. Một lần nữa anh lại thăm nhủ trong lòng: Vĩnh biệt! Thế là hết!

Xe xuống hết dốc, anh bỗng đập phanh đứng sững lại nhìn qua kính phía đằng sau. Ôi cái đèo trước đây đối với anh thân thuộc biết bao, sao nó đáng yêu đến thế, mà giờ đây nó tàn ác làm sao? Đã chôn vùi của anh bao nhiêu ước mơ, hy vọng. Đã chôn vùi tình yêu của anh. Vĩnh biệt đèo Lũng Lô! Anh nhìn lại nó một lần nữa, để không bao giờ anh muốn trở lại đây nữa.

Khi xe anh đến Tạ Khoa thì vừa duỗi kịp đơn vị. Và chuyển phà chở anh qua sông cũng là chuyển phà cuối cùng. May quá! Sau khi cho xe rời phà lên bến xong, bỗng nhiên anh rã rời cả chân tay. Cánh tay trái đã không chịu theo sự điều khiển của anh nữa. Anh dừng lại, nhường vô-lăng cho lái phụ. Anh ngồi im, ngả người về phía đệm, đầu ngửa ra, đôi mắt nhắm nghiền. Anh buồn ngủ hay bị mệt quá? — Không, cơn đau của cánh tay trái hành hạ anh.

Vào một ngày đầu mùa chiến dịch, đơn vị của anh chở đạn qua bến phà Âu Lâu, một bến vượt qua sông Hồng ở đầu mút của đường 13A. Xe của anh vừa lên khỏi bến thì bỗng báo động phòng không. Một tốp máy bay địch đến bắn phá. Anh chưa kịp nhảy xuống khỏi xe thì đã bị một mảnh bom bắn xuyên qua kính chắn gió trước mặt, đâm vào cánh tay trái của anh. Anh bị thương, ngã gục ngay trên vành tay lái. Lại có tiếng bom nổ và tiếng găm rít của máy bay làm anh tỉnh lại. Anh cố sức cho nổ máy để đưa xe vào rừng, nhưng cánh tay trái của anh không sao cử động được. Máu ra nhiều quá.

Một cô gái từ dưới phà chạy vọt lên, mở cửa xe và nhìn thấy anh bị thương. Cô vội vàng đỡ anh nằm xuống đệm xe, tìm vải băng bó nhưng không có, cô liền xé toạc ngay chiếc áo lót trắng đang mặc bên trong của mình rồi buộc chặt vết thương

ở cánh tay cho anh. Cô treo cánh tay bất động lên cõ anh. Cô làm rất nhanh và thành thạo như một người cứu thương ở chiến hào. Cánh tay của anh giảm đau, anh thấy mình tỉnh táo và anh thét lên với cô gái hay với chính mình:

— Phải cứu lấy xe đạn!

Anh bỗng hình dung thấy một trái bom nổ gần hất tung xe đạn xuống sông. Không. Một loạt đạn lửa hay một trái bom na-pan trúng vào xe. Một đám cháy bùng lên. Chiếc xe đạn bị nổ tung. Cái gì sẽ xảy ra ở đây? Hàng chục quả bom cũng không có sức tàn phá bằng cả một xe đạn này! Anh toát mồ hôi, vùng ngồi dậy nhưng bất lực.

— Phải cứu lấy xe đạn!

Cô gái vừa thoáng chạy đi đâu, hình như xuống bến phà một lát. Có tiếng gọi í ới ở dưới sông. Cô gái lại chạy lên, nhảy vào trong xe, đỡ anh ngồi sang bên cạnh.

— Nào anh ngồi sang đây, đỡ tôi một tay nhé! Nhanh lên, chúng nó đang sắp vòng lại rồi đấy!

Vừa lúc đó mấy cái đèn dù từ trên trời bỗng bung ra, một vùng bến sông sáng như ban ngày. Những tiếng la thét, gọi nhau í ới, và tiếng kêu thất thanh ở xung quanh. Tiếng chiếc cá-nô nổ máy, kéo con phà rời bến rồi cho trôi xuống hạ lưu để tránh xa bến.

— Hay lắm, bố già hay lắm! Kéo được phà ra rồi! Chúng mày đừng có hòng chơi được với bố già!
— Cô gái nói ra sông rồi quay vào đóng cửa xe.

— Nào, đến lượt chúng ta! Anh cứ ngồi bình tĩnh nhé...

Cô gái quay sang anh lái xe bị thương ngồi bên cạnh nhưng bất lực, thỉnh thoảng phải nhăn mặt lên vì đau. Cô mở khóa điện, đạp khởi động, cài số xe

và khởi hành. Chiếc xe « Gát 63 » chồm lên, bật ra khỏi mấy khúc gỗ chống lầy và lại tụt xuống một bãi cát. Cô gái rú ga thật to nhưng chiếc xe vẫn bị quay tròn tại chỗ.

III

Qua ánh sáng đèn dù, từ nãy đến giờ, anh lái xe bị thương chợt nhìn thấy mặt cô gái. Một khuôn mặt tròn rất trẻ, nước da trắng, mái tóc vẫn trần bị tung ra bay phấp phới, có lúc như che lấp cả mặt. Chiếc áo màu sẫm. Dáng người thấp nhỏ. cô phải lấy một mảnh gỗ kê vào đệm xe cho cao lên mới cầm được tay lái. Lúc đầu anh bỗng giật mình vì thấy một cô gái mặt non choẹt mà lại định lái xe. Anh định can cô, bảo cô đi tìm một lái xe khác đến lái hộ anh, nhưng rồi anh mệt quá, không nói lên được. Anh tựa đầu vào góc đệm xe, đôi mắt lim dim bất lực nhìn cô gái. Anh bỗng hình dung thấy mọi động tác chuẩn bị xe khởi hành rất thành thạo. Có lẽ anh nhầm. Thăng bạn anh, cậu lái phụ ở bên kia sông đã sang kịp rồi chẳng? Nó ở lại để liên lạc với trung đội phía sau, truyền lệnh của đại đội cho họ. Bằng cách nào nó lại sang đây? Xe đã khởi hành. Ánh đèn dù soi vào buồng lái. Sao mặt cậu ấy lại trắng thế này? Ồ không phải. Vẫn cô gái băng bó cho mình. Cô ta làm gì với chiếc xe này... Nó sẽ bị đồ mất. Nó sẽ bị húc vào cây hay lao xuống sông... Anh lại lịm đi... Thôi mặc kệ, muốn đến đâu thì đến. Ôi, giá anh không bị thương thì đâu đến nỗi này!

Cho đến lúc tiếng ga rú ầm lên, anh bỗng bừng tỉnh. Như một cái lò-xo, anh ngồi dậy, và theo linh tính nghề nghiệp anh thét to:

— Cầu! Cài hết cầu số phụ vào!

Cô gái cũng làm theo như một cái máy. Cô cúi xuống cầm lấy cần gạt cầu. Cô kéo mãi, cả hai tay, vẫn không vào được.

— Đạp hết côn sát ván, nào! — Anh lái xe vừa hô vừa cúi xuống dùng tay phải còn lại cùng kéo với cô gái. Cánh tay trái bị chạm vào đệm xe, đau nhói, anh phải nghiêng răng lại, mặt tái đi. Anh lại ngả đầu về phía đệm xe, nhắm mắt lại.

Chiếc xe từ từ bò ra khỏi bãi lầy, rồi quật lên đường cái. Cô gái lợi dụng ánh đèn dù của bọn máy bay giặc, cho xe bò đi. Ra khỏi khu vực bến một đoạn, cô bỗng thở phào nhẹ nhõm.

— Hay lắm, thoát rồi! Cho chúng mày lòng lộn.

Cô nhìn sang bên cạnh bỗng thấy anh lái xe xiu đi, cô dừng xe, quay sang lay anh dậy. Cô nói lắp bắp, vội vàng:

— Anh bộ đội! Anh bộ đội! Thoát rồi, xe thoát rồi! Anh mệt lắm à? Nào tỉnh dậy đi, để em đưa anh vào trạm cấp cứu luôn nhé!

Anh bộ đội chỉ mở mắt ra nhìn cô gái, mồm mấp máy điều gì không rõ.

Cô gái vội vàng cho xe lao đi. Khi vào đến khu làng xóm, cây cối um tùm tối quá, cô cứ phải cho xe bò rất chậm. Lướt lự một lát, bỗng nhiên cô kéo tất cả đèn pha, làm sáng bừng lên một đoạn đường, xuyên vào đêm, những xóm làng bên bờ sông quen thuộc. Cô tăng số cho xe chạy thật nhanh. Cô chẳng nghĩ gì đến ánh đèn pha ô-tô của cô có thể làm cho bọn máy bay phát hiện được, chúng sẽ dũi theo cô, chiếc xe bị bắn cháy, đạn sẽ nổ tung, xóm làng xung quanh cũng bị cháy. Cô cũng chẳng nghĩ gì đến phía trước cô là dốc Ông Diệt vòng vào quanh co, những đường chữ chi, những cua tay áo, bên cạnh là vực sâu thăm thẳm, chỉ cần cô lảng

đốt phép đầu tiên sau hòa bình để đi thăm lại chiến trường xưa. Anh đã theo một chuyến xe từ Sơn La về qua đèo Lũng Lô. Anh dừng lại đốt một năm hương bên gốc cây hoa ban quen thuộc của anh.

VIII

Trong khi anh đang đốt hương và cắm dưới gốc cây hoa ban để tưởng nhớ tới em, thì có một bàn tay đặt lên vai anh và hỏi:

— Anh đốt hương cho ai vậy?

Anh bỗng giật mình quay lại phía sau và nhận ra người quen. Đó là bác Tiến Thành, bác bên trường bên phà Âu Lâu của em, người mà anh đã nhờ bác nên mới tìm thấy em trước đây. Trông bác dạo này già đi nhiều quá. Nước da đen sạm, chòm râu dài đã bạc gần hết.

— Ôi, bác! Cháu chào bác! Bác đi đâu mà lên đây thế này? Bác có nhận ra cháu không? Anh vội nắm lấy hai tay bác, vừa lắc vừa hỏi.

— Bác cũng đang đi tìm thằng con trai của bác đây—Bác Tiến Thành vẻ mặt nhọc và buồn bã, trả lời anh.

Rồi bác kể cho anh nghe là sau hòa bình lập lại, vì tuổi già sức yếu, bác đã được trên cho về nghỉ phục viên rồi. Quê bác ở mãi Phú Thọ. Bác có một đứa con trai duy nhất cũng là bộ đội lái xe đã bị hy sinh cùng với chiếc xe bị bắn cháy trên đường hành quân trong đợt cuối cùng của chiến dịch Điện Biên Phủ. Mấy năm nay bác đã đi tìm nhưng chưa thấy. Gần đây nghe một người bạn của con bác nói là chết ở đèo Lũng Lô, còn mồ chôn ở đây, nên bác mới lặn lội chống gậy đi tìm mộ người con trai của bác. Bác đã tìm từ sáng vẫn chưa thấy. Bác đang ngồi

ngiht cho đỡ mệt, bỗng trông thấy anh dừng xe, leo lên đồi. Bác nhận ra anh là người yêu của cái «cún» Dung trước đây nên bác vội theo lên đỉnh đồi.

Bác nhìn vào mặt anh, ngẩn ngừ như đoán một điều gì, rồi quả quyết:

— Anh thấp hương cho cái «cún» Dung phải không? Nó làm sao mà phải thấp hương cho nó?

— Vâng, cháu thấp hương... Nhưng bác bảo sao cơ ạ?

Anh còn đang chưa hiểu thì bác Tiến Thành lại tiếp:

— Ừ, cái «cún» Dung nó vẫn còn sống. Chẳng bom đạn nào giết chết nó được. Nó đang nghỉ phép ở nhà đây! Hãy về với nó đi con! Bác vừa mới đi qua, ghé vào nhà nó hôm qua mà! Thảo nào, nó cứ đi tìm con mà không thấy tăm hơi đâu cả. Thôi, về với nó đi con! Thấy con là bác mừng lắm rồi, như đã thấy con bác vậy. Bác mừng cho con, mừng cho cái «cún» Dung. Thôi về đi, nó đang chờ con đây. Chúc các con hạnh phúc!

Anh mời bác quay về với anh, nhưng bác từ chối vì còn phải ở lại, vào bản hỏi thăm, mai lại tìm tiếp. Anh xin ở lại, mai đi tìm với bác, nhưng bác gạt đi không nghe. Anh bùi ngùi chia tay bác rồi lao xuống dốc.

Niềm vui bất ngờ làm anh chạy như bay xuống đường. Chỉ thoáng chốc, trong đầu óc anh không còn đèo Lũng Lô, không có nấm mồ, gốc cây ban, không có cả bác Tiến Thành nữa. Chỉ còn có xóm Ngòi Lâu, cái ngõ vào nhà em, bóng dáng nét mặt và nụ cười của em. Không biết thực hay mơ, anh như người đang bay từ trên đèo xuống.

Anh vội vàng nhảy lên xe, bóp còi inh ỏi gọi các đồng chí đi theo xe về, không chờ cậu lái xe có đồng ý nhường tay lái hay không, anh nổ máy và lao xe đi như một người được vàng. Cậu lái xe vốn cùng

đơn vị cũ, đã biết anh là tay lái xe dầu đèn, nên chỉ lắc đầu không hiểu sao anh đang buồn mà lại bỗng nhiên phấn khởi như phát rồ. Cậu ta cảnh giác, bám chặt lấy thành xe, mắt nhìn anh găm găm. Mặc kệ!

— Sao xe cậu lì thế, chả bốc tý nào cả?

— Nhìn xem, đồng hồ báo năm mươi ki-lô-mét mà còn không bốc à? Liệu chừng đấy!

Bỗng xe lao xuống ò gà đến rầm một cái làm cả anh và cậu ta bị nảy người lên, va đầu vào nắp cabin đau điếng. Máy ông tưởng ngồi trên xe xuyt bật ra ngoài, la hét inh ỏi. Mặc kệ. Anh vẫn phóng như bay.

Xe vào cua gấp nghiêng hẳn đi tưởng như đổ. Người ngồi trên xe ngã giúi dúi vào nhau. Xe qua đường rậm, những cành cây ven đường quất vào xe xoàn xoạt. Các đồng chí trên xe phải nằm rạp xuống sàn xe. Rồi trời tối, sương mù làm mờ hết cả kính phía trước. Đèn vàng lúc này cũng như không còn tác dụng. Mặc kệ. Không hiểu nguyên nhân nào giúp anh cứ chạy sầm sầm qua những đoạn đường đó.

— Phải chăng là anh chạy bằng những cảm tính trên những con đường quen thuộc trước đây, hay đúng hơn là anh chạy bằng sức mạnh tình yêu của em!

Chia tay với lái xe và các đồng chí cùng đi— họ phải đi công tác gấp không thể rẽ vào nhà em chơi và mừng cho cuộc gặp gỡ của chúng ta được. Họ đều siết chặt tay anh.

Xe chạy vút đi, để lại một mình anh dắt chiếc xe đạp tông tặc, đứng giữa đêm tối mịt mù.

IX

Lúc ấy đã tám giờ tối. Trời tối đen như mực. Anh chẳng có đèn đóm gì cả. Xe đạp cũng không có đèn.

Con đường rẽ vào ngõ sao gồ ghề lắm vậy? Anh cứ phải dò dẫm đi, từng bước kéo lại lao xuống ruộng hoặc xuống vực.

Đã ba năm rồi, kể từ khi anh xa gia đình em lần cuối cùng. Không biết còn ai nhận ra anh không? Khi đã đến gần nhà, lối đi chênh vênh quá, anh không thể nào đi được nữa. Anh tần ngần đứng lại. Nhìn vào trong nhà thấy còn đèn sáng, anh liền bóp chuông xe đạp kêu inh ỏi để báo động cho người nhà biết. Anh không gọi để xem người nhà có ai ra không? Tiếng chuông của anh, đầu tiên làm con chó Lu nhà em vừa sủa vừa chạy lao ra cổng. Anh liền gọi tên nó: Lu Lu! Lu Lu! Con Lu, thôi không sủa nữa, mà nó cứ mừng rỡ quẩn lấy chân anh và kêu làm hiệu cho những người trong nhà biết đó là người quen.

Bố mẹ em thấy con Lu thôi không sủa nữa, biết là khách quen, nên gọi các em thấp đuốc ra đón khách.

Có tiếng gọi nhau í ới. Anh vẫn theo dõi xem sự động tĩnh trong nhà. Và cũng phải chờ người nhà có đèn dóm ra mới đi được. Trời tối quá, địa hình lại không quen. Bỗng trong nhà có tiếng gọi của con trai vọng xuống dưới bếp:

— Chị Dung ơi, bầm bảo đốt đuốc ra xem ai đấy?

Anh bỗng giật mình khi nghe gọi tên Dung. Đúng Dung rồi! Dung còn sống thật rồi! Tuy đã biết từ chiều nhưng anh vẫn có một cảm giác bồn chồn khó tả. Anh muốn nhanh chóng vào tận nhà xem hư thực ra sao. Anh lại bấm chuông inh ỏi. Bỗng lại có tiếng quát từ trong bếp vọng ra, vẻ bức tức:

— Ai mà không vào nhà, đứng ngoài đó bóp chuông mãi thế?

Anh bỗng há hốc mồm ra. Thôi đúng tiếng Dung rồi! Ôi, Dung hay còn thật à? Trời ơi, thế thì vui sướng nào bằng! Nhưng anh lại trấn tĩnh lại. Biết

dầu có thề là tiếng của Bích, cô em gái thì sao? Có thề khi lớn lên, Bích có tiếng giống chị thì sao? Tiếng bố em giục bọn trẻ mang đuốc nhanh ra cổng. Rồi Thăng và Lợi cầm đuốc đi ra. Anh nhận ra chúng. Chúng nó chóng lớn quá. Hai đứa cầm hai bó đuốc chạy ra theo tiếng chuông xe đạp—nơi gần bờ giếng đầu ngõ. Ra đến nơi, chúng nhận ra anh, rồi cùng một lúc reo tướng lên cho cả nhà cùng nghe thấy:

— A, anh Bình! Anh Bình! Băm ơi, anh Bình! Chị Dung ơi, anh Bình về rồi đây này!

Lợi tranh dắt xe đạp và đưa bó đuốc cho anh cầm đi vào nhà.

Nghe tiếng gọi: « Anh Bình! », em đang ngồi trong bếp vội lao vụt ra ngoài sân, chạy ra ngõ ngóng nhìn. Trông cái dáng đang cầm đuốc đi vào nhà, đúng là anh thật rồi. Ôi, chân tay em bỗng luống cuống cả lên, người em bỗng run run sắp ngã, lòng em rạo rục nóng bừng. Em vội ù té chạy vào trong bếp ngồi, tắt hết ánh lửa đi, dè ngồi một mình, nghe trái tim mình đập rộn rập như những quả bom chùm rơi xuống đèo Lũng Lô. Em dè cho mình được tận hưởng phút cảm động đầu tiên một mình mình, khi nhìn thấy « anh đã trở về » ra sao?

Cả nhà quay quần vồn vập lấy anh, riu ra riu rít làm anh đâm ra luống cuống. Anh chỉ muốn nhìn ngay thấy em. Mẹ em gọi em mấy lần, nhưng em không lên. Anh bỏ mặc mọi người trên nhà, lao xuống bếp và ôm chầm lấy em:

— Trời ơi, có phải em còn sống thật không đây? Thế mà anh đã khóc em, vĩnh biệt em bao nhiêu năm nay? Ngay buổi chiều nay, anh cũng đã thấp hương ở năm mồ vô danh của em!

Bỗng nhiên, Dung gục vào ngực anh, khóc òa lên như một đứa trẻ con.

Ôi, những giọt nước mắt sung sướng! Ôi, những giọt nước mắt hạnh phúc! Người cố chạy ra đi! Hãy chạy ra như sông như suối! Đó mới thật sự là hạnh phúc! Đó mới thật sự là hòa bình!

Quả bom nổ ở chân đèo Lũng Lô hôm ấy đã làm Hạnh hy sinh tại chỗ, còn em và cậu Lâm bị bắn tung sang bên kia ngòi Lầu, cách xa đến mười lăm mét, bị rơi vào một bãi cỏ. Rồi một quả bom nữa gần đó, đến giờ tự hủy, bắn tung những cây cỏ, đất cát phủ lấp lên người chúng em. Tối hôm ấy, những người đi tìm chỉ đào bới ở bên này suối. Mãi sáng hôm sau, những người đi rừng mới phát hiện ra chúng em đang « bị chết » ở bờ bên kia suối. Đơn vị vội cấp cứu ngay. May quá, chúng em còn sống, chỉ bị ngắt thoi. Chúng em được đưa về trạm cấp cứu, rồi đi viện quân y.

Một tháng sau, em ra viện, lại đòi về đơn vị phá bom của anh Bang, rời Lũng Lô, về đèo Pha Đin, Tuần Giáo và vào thẳng mặt trận Điện Biên Phủ cho đến khi thắng lợi.

Hòa bình lập lại. Em hỏi tìm và chờ đợi không thấy anh đâu. Em thất vọng nhưng vẫn kiên trì chờ đợi. Một năm không thấy anh về. Rồi hai năm, ba năm cũng không thấy anh về. Cả nhà giục em đi lấy chồng, em không nghe, vẫn chờ đợi. Em không tin là anh đã hy sinh vì em đã gặp một số bạn bè cho biết là đã gặp anh đi chiến dịch Thượng Lào sau giải phóng Điện Biên. Em cũng không tin rằng anh đã phụ bạc em hoặc quên tình nghĩa gia đình. Vì quả bom nổ vùi em đi, rồi em lại sống lại, anh đã biết gì sau đó đâu. Còn quên tình nghĩa ư? Không. Anh không thể như thế được. Không hiểu vì sao em có một niềm tin như vậy. Nghĩa là em chỉ có một hy vọng: Nếu anh còn sống thì trước sau anh sẽ trở về với em!

Quả nhiên niềm tin mãnh liệt của em đã được đền bù một cách thích đáng: Anh đã trở về!

X

Mới đó mà thăm thoát đã ba mươi năm. Kể từ ngày Điện Biên thắng lợi.

Sau lần về phép đó ít lâu, chúng tôi cưới nhau. Dung đã chuyển ngành ra công tác ở bệnh viện Yên Bái. Còn tôi chuyển về dưới xuôi công tác. Tuy vậy, hàng năm tôi vẫn trở về phép thăm nhà ít nhất một lần, mỗi lần dăm ba hôm đến một tuần lễ, có khi đến nửa tháng.

Tôi và Dung đã hứa với nhau sẽ lên thăm lại đèo Lũng Lô, thăm cây hoa ban của tôi trồng, thăm «nấm mồ của Dung», thăm nơi có kỷ niệm sâu sắc nhất của chúng tôi, nơi đã đồng thời để lại đau khổ và hạnh phúc của chúng tôi.

Nhà tôi chỉ cách đèo Lũng Lô trên ba mươi ki-lô-mét, đi xe đạp mất ba tiếng, đi ô-tô chưa đầy một tiếng. Chúng tôi đã có bốn đứa con. Cả bốn đứa đều đang cầm súng bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Đã nhiều lần tôi hứa với các cháu khi các cháu còn nhỏ, là bố mẹ sẽ kể và dẫn các con đi thăm đèo Lũng Lô, một nơi di tích lịch sử của đất nước và cũng là một di tích lịch sử của gia đình, nơi đó bố mẹ đã đổ máu để có hòa bình cho các con hôm nay.

Nhưng chưa một lần nào hai chúng tôi đến thăm lại Lũng Lô như điều mong muốn. Cũng chưa một lần kể cho các cháu nghe hoặc dẫn các cháu đến đèo Lũng Lô, như đã hứa. Khi còn sống rồi cũng không đi được vì bận công tác, vì bận gia đình. Khi có con:

một đứa, hai đứa, đến ba, bốn đứa, thì việc gia đình cũng càng ngày càng bận rộn lên theo.

Cứ thế, năm tháng trôi đi. Thấm thoát đã ba mươi năm qua. Tôi từ một người lính đã trở thành sĩ quan cấp úy, rồi cấp tá, đã có điều kiện có xe con đi—xe đi cho việc công và cho cả việc riêng. Con đường từ Hà Nội lên Yên Bái và con đường 13A đã trải nhựa toàn bộ, đường rộng thênh thang, nhựa trải phẳng lì. Hàng năm tôi vẫn về quê bằng xe con tới một, hai lần. Khi về phép, khi thì về tranh thủ, khi bố mẹ ốm đau hay lễ tang các cụ, khi thì ngày giỗ ngày tết...

Một khoảng cách trên ba trăm ki-lô-mét từ miền biên lên núi rừng tôi vẫn đi lại dễ dàng, vậy mà chỉ một khoảng cách ba mươi ki-lô-mét đã ba chục năm nay tôi vẫn không đến được. Bởi lẽ, mỗi lần về nhà chỉ bận rộn với những việc vặt vãnh trong nhà, con lợn con gà, cái cây cái cuốc, be nước ấm chè. Thà rằng ở xa đã đành, nhưng tôi chỉ cách có một giờ xe chạy, hay chỉ đi bộ một ngày trời.

Tôi bỗng nhớ đến ngày trước, khi tôi được tin Dung « hy sinh », thì hàng tháng hoặc hàng năm tôi vẫn tìm mọi cách đến đèo Lũng Lô để viếng « năm mồ » của Dung, để thắp nén hương « vĩnh biệt » Dung. Còn từ khi tôi đã tìm lại được Dung, tìm lại được hạnh phúc thì tôi lại quên mất nơi xuất phát của tình yêu và hạnh phúc của chúng tôi.

Có phải chăng, con người ta, khi mất mát, đau khổ thì hay tưởng nhớ đến những nơi đã xảy ra. Còn đến khi có được hạnh phúc sung sướng thì lại chóng lãng quên những nơi bắt nguồn?

Chẳng biết rằng ở nơi đó—bây giờ ra sao? Đường sá có ai trông nom tu sửa không? Cây cối có được tốt tươi, đẹp đẽ như những thời tiền chiến không? Có ai dựng đài kỷ niệm hàng trăm chiến sĩ đã hy

sinh ở đây chưa? Họ đã chiến đấu để bảo vệ đèo, các chiến sĩ [cao xạ bắn máy bay và các chiến sĩ công binh phá bom, các chiến sĩ giao thông, thanh niên xung phong và dân công làm đường?

Liệu có ai nhớ tới nó không? Hay cũng như tôi: Khi gian khổ đau thương thì vĩnh biệt em. Đến khi no ấm hạnh phúc thì vĩnh biệt đèo!

Không. Tôi không thể nào như thế mãi được! Dù ngày mai tôi sẽ về hưu, dù gối mỗi chân chồn, phải chống gậy, tôi cũng phải đến đèo Lũng Lô để «vẫy chào đèo Lũng Lô!», và để được hô to một lần cuối cùng: «vĩnh biệt đèo Lũng Lô!».

Đồ Sơn, 02 giờ ngày 23-3-1984

BÊN CẦU CHIA LY

Trở về bên cũ

Thế là đại đội tôi lại được trở về bảo đảm giao thông ở đoạn đường quen thuộc và bên sông Chia Ly này. Đối với tôi, đây cũng là niềm vui, nhưng cũng là một mối lo lắng. Vui vì được trở lại nơi tôi đã cống hiến hết sức mình để xây dựng nên chiếc cầu này, nó là công trình kỹ thuật đầu tay của tôi, người thiết kế cầu. Còn gì bằng được trở lại, ngắm cái công trình do chính bàn tay mình vẽ ra và trực tiếp xây dựng nó. Nhưng cũng lo là liệu nó còn được nguyên vẹn như xưa, nếu nó đã bị bom đạn giặc làm hư hỏng thì liệu tôi có sửa chữa và giữ gìn cho nó được mãi mãi không? Mỗi khi nghe tin máy bay giặc Mỹ đến bắn phá chiếc cầu này, tôi thấy tắc nghẹn cổ họng. Và mỗi khi nghĩ đến việc mình phải tự tay phá nó đi để làm lại một chiếc cầu khác, tôi lại rùng mình. Bởi lẽ không những nó chỉ là chiếc cầu đầu tay mà còn là chiếc cầu duy nhất của tôi, trước khi vào bộ đội. Và đó cũng là điều may mắn cho tôi, sau khi tốt nghiệp đại học ít lâu, tôi được về công tác ở vùng rừng núi thuộc tỉnh miền Trung này, nơi ít người muốn đến công tác ở cái đất «khí ho cò gáy» ấy, do đó loại cán bộ kỹ thuật trai trẻ như tôi dễ được trọng dụng. Cho nên chỉ vài năm sau, tôi đã có được tác

phàm đầu tay ấy. Nhiều bạn bè cùng lớp đã ghen tỵ với tôi. Chúng nó, có đứa hàng chục năm trời cũng chưa làm nên trò trống gì, nhiều cậu cho đến trước khi đi bộ đội cũng vẫn chỉ là chân thợ lý giúp việc, kỹ sư phụ tá hoặc chỉ là kỹ sư sửa chữa ò gà, cồng rãnh... mà thôi.

Chiến tranh! Chúng tôi vào bộ đội, nhưng không mấy người được trực tiếp cầm súng chiến đấu ở các đơn vị bộ binh phía trước. Nghề nghiệp cũ đã đưa chúng tôi trở về với những chiếc cầu, những đoạn đường cũ và mới. Tôi lại được làm quen với nhịp cầu quân sự thật là đơn giản, nhưng cũng thật là phức tạp. Chúng tôi không phải ngồi tính toán, như thiết kế cầu bê-tông vĩnh cửu trước đây, không phải giải quyết hàng loạt những bài toán, những phương trình học búa về nền móng, về kết cấu, về thi công, v.v... Tất cả những cái đó đã được người ta giải quyết rất khoa học và đã chế tạo sẵn thành những bộ cầu «chế thức» tiên tiến. Cái phức tạp là ở chỗ làm sao bảo đảm thời gian, bảo đảm tốc độ, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống khó khăn, phức tạp về địa hình, thời tiết và bom đạn giặc mà vẫn bảo đảm được an toàn cao nhất, đề đưa xe, pháo ra chiến trường được nhanh, được nhiều...

«Trường đại học thứ hai của tôi» — tôi vẫn thường gọi cuộc đời bộ đội của tôi như vậy — quả là một trường rèn luyện tổng hợp cho con người, không những về ý chí, về bản lĩnh mà còn nâng cao về khả năng kỹ thuật phù hợp với những thực tế khắc nghiệt mà không một trường đại học nào có thể giảng dạy được.

Với lòng căm thù giặc Mỹ xâm lược, với nhiệt tình của tuổi trẻ và với bản lĩnh kỹ thuật sẵn có, tôi đã hăng say lao vào tất cả, không từ một nhiệm

vụ khó khăn, phức tạp nào. Từ một chiến sĩ công binh cầm búa, cầm chèo, khiêng dầm vác ván, đào hào đắp ụ, đánh mìn phá bom, tôi đã được đi nhiều chiến trường và đã trưởng thành. Đại đội của tôi, do tôi làm đại đội trưởng, vốn là một đại đội có truyền thống chiến đấu giỏi. Tôi đã tự hào về nó và cũng không đến nỗi xấu hổ với nó. Truyền thống của đại đội đã rèn luyện và nâng bước tôi trưởng thành, và chính tôi cũng đã góp phần xương máu của mình vào truyền thống đó.

Đại đội chúng tôi đang bảo đảm giao thông ở một đoạn đường phía trong, cách đây hơn 100 ki-lô-mét, bỗng được lệnh quay ra bảo đảm giao thông ở đoạn cầu Chia Ly này. Khi giao nhiệm vụ, đồng chí binh trạm trưởng giải thích cho tôi: Đây là một trọng điểm bị địch đánh phá nhiều, nên phải đưa một đại đội mạnh ra chốt. Binh trạm cũng biết tôi là « tác giả » của chiếc cầu này, đã quen thuộc địa hình, thung thò và nắm chắc kỹ thuật, nên đưa tôi ra đây, binh trạm hy vọng sẽ bảo đảm được thông suốt liên tục. Cuối cùng đồng chí binh trạm trưởng còn bắt tay thân mật và dặn dò tôi thêm:

— Phải có những hành động chiến đấu và xử lý kỹ thuật thật vững chắc và táo bạo mới có thể đánh thắng được bọn giặc Mỹ ở đây. Minh tin ở cậu.

— Vâng, xin thủ trưởng cứ yên tâm. Nó là « đứa con đầu lòng » của tôi đây. Tôi xin kiên quyết bảo vệ nó đến cùng! Tôi hứa với Binh trạm trưởng một cách quả quyết.

Suối Chia Ly

Không hiểu ai đã đặt ra cái tên suối Chia Ly và được gọi từ bao giờ? mà mới nghe người ta đã có

một cảm giác buồn buồn, như có một sự tan vỡ, biệt ly nào đó. Cái tên hay hay ấy đã hấp dẫn tôi trong những ngày đầu khảo sát, thiết kế và xây dựng nhịp cầu Chi Ly này.

Đó là những năm hòa bình cuối cùng, trước khi bọn giặc Mỹ gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta. Chúng tôi về đây khảo sát tuyến đường mới, đi qua một con suối, một con suối khá sâu và nước xanh đen dễ sợ. Phía thượng lưu chảy len vào giữa những khe núi đá vách đứng rất cao, phía hạ lưu trải rộng ra như một con sông nhỏ, nằm hai bên là những sườn đồi thấp và thoải; bỗng nhiên giữa sông nổi lên một hòn núi đá không lớn lắm, chia đôi dòng thành hai ngã suối, chảy xuống những ghềnh thác có độ chênh lớn tạo nên những tiếng réo của nước đổ, hai dòng suối chảy về hai ngã — một Bắc, một Nam — rồi nhập vào những lưu vực sông đồng bằng; không bao giờ gặp nhau.

Đó là con suối mà tìm trên nhiều bản đồ không thấy tên, chỉ đến khi đến đây, mới được nghe bà con ở những làng bản xung quanh gọi như thế. Một cụ già kể lại với tôi: Ngày xưa có một đôi trai gái yêu nhau, nhưng không lấy được nhau. Đó là con gái một hào trưởng giàu có và một chàng đi ở nghèo khổ. Họ liền trốn lên rừng ăn ở với nhau, nhưng bị hào trưởng cho người đi lùng sục, tìm bắt về. Họ phải đóng một cái mảng dè nhờ dòng nước đưa họ trốn xuống vùng xuôi. Không ngờ họ gặp phải một cơn mưa, lũ chảy xiết, chiếc mảng của họ đâm vào một hòn đá bị vỡ đôi, mỗi người mỗi ngã, rồi lao xuống ghềnh thác bị dòng nước cuốn đi. Họ chết mà vẫn không bao giờ được gặp nhau, nên mới gọi là suối Chia Ly. Ở đây, ghềnh thác luôn luôn khóc thương họ, âm ỉ suốt ngày đêm, cũng như nước mắt dân làng thương xót họ chảy về hai dòng suối không

bao giờ cạn. Quả thật, mùa mưa cũng như mùa khô, suối ở đây không bao giờ hết nước. Cho nên trước đây chúng tôi đã không tính toán làm ngầm đi trong mùa cạn, như nhiều đoạn suối khác ở vùng này, mà vẫn phải bắc cầu.

Lại cũng có những người dân khác nói về cái tên kỳ lạ đó là, do suối ở đây nước rất độc, chảy qua một rừng lim bạt ngàn từ trên nguồn xuống, nên nước xanh đen rợn người, mùa khô lội xuống có thể rụng chân lông, đi rừng trời nóng đang khát nước mà uống vào dễ bị đau bụng chết, nếu không về nhà cũng bị ốm mà chết. Họ còn kể nhiều về chuyện ma thiêng nước độc, về con suối Chia Ly. Chung quy lại là: người từ xa đi tới con suối kỳ lạ này nếu không cúng ma thì không bị nước độc chết, cũng bị thác nước cuốn đi, hoặc đá lở xuống đầu mà chết. Vì thế, ở ngay hốc đá trên bờ suối người ta đặt mấy bát hương để cúng ma. Ai qua đây cũng thắp hương khấn vái rồi mới lên rừng hoặc lội qua. Bọn thầy mo, thầy cúng cũng theo dật, bịa đặt thêm những chuyện kỳ, ma mãnh để kiếm ăn ở quanh vùng này.

Đạo đó, công ty cầu đường chúng tôi đã phải giải quyết nhiều vụ rắc rối trong cuộc vận động nhân dân ở đây để phá bỏ những, «miếu ma cô», «đền ông mãnh»..., giải thích để bác bỏ những chuyện hoang đường xung quanh việc mở tuyến đường, làm mặt bằng và xây dựng chiếc cầu Chia Ly này.

Tôi nhớ lại những ngày khảo sát và thiết kế cầu. Lần đầu tiên tôi được chủ trì thiết kế cầu. Cũng có nhiều phương án được đề ra, như phương án làm cầu vòm, phương án làm cầu xây đá, rồi kiểu dầm mút thừa... Đó là ý kiến của mấy kỹ sư trên tỉnh, trên Bộ khi nghe qua tôi báo cáo tài liệu khảo sát và sơ đồ mặt bằng. Nhưng rồi cuối cùng cũng chẳng ai quả quyết, vì họ sợ nếu giữ ý kiến đó, họ phải

trực tiếp đi thiết kế hoặc thi công chiếc cầu theo phương án của họ. Mà ở cái đất «ma thiêng nước độc» này, có phải đi công tác một vài ngày họ đã không muốn rồi, huống chi phải ở lại hàng năm trời để xây dựng cầu. Cuối cùng chỉ còn phương án của tôi là tồn tại. Phương án cầu dầm đơn giản mà tôi cho là phù hợp với «sức vóc» của mình. Tôi cũng đã phải tính toán nhiều đề lựa chọn lấy cho mình một phương án kỹ thuật tối ưu. Nói cho cùng ra, tôi cũng thích, mà địa hình, địa chất ở đây cũng cho phép làm cầu vòm rất phù hợp. Cầu vòm là loại cầu đẹp, hơn nữa là một kiểu cách mới trong ngành cầu đường bộ của ta. Nhưng tôi thấy quá nhiều khó khăn, việc tính toán khá phức tạp, riêng tôi tính một mình không xuề, mà tôi lại không muốn nhờ vả người khác trong lúc này. Đã vậy, chúng tôi lại chưa ai chỉ huy thi công bao giờ và chưa hề có một chút kinh nghiệm nào về cầu vòm. Nếu được thì là công lao của tập thể, mà nhờ không xong thì mình tôi phải ngời tù. Những bậc «đàn anh» đi trước đã thường khuyên tôi như vậy đấy!

Phương án của tôi được duyệt, vì thực ra cũng chẳng còn phương án nào khác, ở đây mới có một mình tôi là kỹ sư, còn toàn là anh chị em trung cấp cả. Tôi và một vài đồng chí nữa trong tổ thiết kế chỉ việc sao chép một kiểu cầu định hình của Bộ Giao thông ra, thêm bớt ít nhiều về trang trí, cho nó mang tính chất độc đáo của riêng mình mà thôi. Tôi cũng tự an ủi mình : bắt chước người ta mà làm được cũng đã là giỏi rồi, tôi sẽ dành sự sáng tạo của mình vào những công trình sau.

Khi tính toán phần hạ bộ, tức là phần trụ đỡ cầu, một số anh em trung cấp kỹ thuật đề nghị giảm bớt khối lượng tôi đã tính toán cho tiết kiệm, nhưng tôi gạt đi :

— Các cậu thông cảm, công trình đầu tiên của chúng ta phải thật chắc chắn, thật an toàn. Cứ cho hệ số an toàn thật cao vào cho yên tâm!

Và dĩ nhiên hệ số $K = 2$ của tôi được sử dụng trong mọi tính toán, có chỗ quan trọng tôi còn cho $K = 3$ nữa. Tôi nhủ thầm: « Chậc, các thầy ở cấp trên có ai xuống đây đâu mà biết địa hình, địa chất cụ thể ra sao? Minh tính sao thì duyệt vậy thôi, chứ ai lên mà kiểm tra cụ thể ».

Đúng như tôi nghĩ, khi đưa thiết kế lên trên duyệt, cũng có một vài ý kiến thốt lên bảo tôi:

— Chết chưa, cậu tính toán thế nào mà lại dặt gập đôi tiêu chuẩn Nhà nước thế này?

Tôi lại dùng bài, giở bản đồ địa hình, địa chất ra, báo cáo một vài số liệu, một vài yếu tố « quan trọng » và « đặc biệt » ở đây ra... Rồi cũng trót lọt.

Rồi đến giai đoạn thi công, tôi lại được bổ sung vào ban chỉ huy đội cầu, với cương vị đội phó kỹ thuật, tạo điều kiện cho tôi thực hiện được phương án thiết kế của mình. Khởi phải nói, đây là những ngày tháng sôi nổi của đời tôi. Ngày đêm tôi lao vào công việc, say sưa và bền bỉ, hầu như lúc nào tôi cũng có mặt trên khắp công trường: xưởng cốt thép, xưởng ván khuôn, công trường khai thác đá... Tôi luôn có mặt kiểm tra sâu sát từng công việc cụ thể. Tôi không muốn công trình đầu tiên của tôi lại có những sai lầm, những hư hỏng lớn trong quá trình thi công.

Bằng sự nỗ lực của mình, bằng sự nỗ lực của tập thể đội cầu và có cả phần giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương, điều mong mỏi của tôi đã được thực hiện. Sau gần hai năm lao động gian khổ chiếc cầu bê-tông cốt thép của chúng tôi đã hoàn thành. Nó không lớn, dài dưới 100 mét, chỉ là loại

dợt phép đầu tiên sau hòa bình để đi thăm lại chiến trường xưa. Anh đã theo một chuyến xe từ Sơn La về qua đèo Lũng Lô. Anh dừng lại đốt một năm hương bên gốc cây hoa ban quen thuộc của anh.

VIII

Trong khi anh đang đốt hương và cảm dưới gốc cây hoa ban để tưởng nhớ tới em, thì có một bàn tay đặt lên vai anh và hỏi:

— Anh đốt hương cho ai vậy?

Anh bỗng giật mình quay lại phía sau và nhận ra người quen. Đó là bác Tiến Thành, bác bến trường bến phà Âu Lâu của em, người mà anh đã nhờ bác nên mới tìm thấy em trước đây. Trông bác dạo này già đi nhiều quá. Nước da đen sạm, chòm râu dài đã bạc gần hết.

— Ôi, bác! Cháu chào bác! Bác đi đâu mà lên đây thế này? Bác có nhận ra cháu không? Anh vội nắm lấy hai tay bác, vừa lắc vừa hỏi.

— Bác cũng đang đi tìm thằng con trai của bác đây—Bác Tiến Thành vẻ mệt nhọc và buồn bã, trả lời anh.

Rồi bác kể cho anh nghe là sau hòa bình lập lại, vì tuổi già sức yếu, bác đã được trên cho về nghỉ phục viên rồi. Quê bác ở mãi Phú Thọ. Bác có một đứa con trai duy nhất cũng là bộ đội lái xe đã bị hy sinh cùng với chiếc xe bị bắn cháy trên đường hành quân trong đợt cuối cùng của chiến dịch Điện Biên Phủ. Mấy năm nay bác đã đi tìm nhưng chưa thấy. Gần đây nghe một người bạn của con bác nói là chết ở đèo Lũng Lô, còn mồ chôn ở đây, nên bác mới lặn lội chống gậy đi tìm mộ người con trai của bác. Bác đã tìm từ sáng vẫn chưa thấy. Bác đang ngồi

ngiht cho đỡ mệt, bỗng trông thấy anh dừng xe, leo lên đồi. Bác nhận ra anh là người yêu của cái «cún» Dung trước đây nên bác vội theo lên đỉnh đồi.

Bác nhìn vào mặt anh, ngần ngừ như đoán một điều gì, rồi quả quyết:

— Anh thấp hương cho cái «cún» Dung phải không? Nó làm sao mà phải thấp hương cho nó?

— Vâng, cháu thấp hương... Nhưng bác bảo sao cơ ạ?

Anh còn đang chưa hiểu thì bác Tiến Thành lại tiếp:

— Ừ, cái «cún» Dung nó vẫn còn sống. Chẳng bom đạn nào giết chết nó được. Nó đang nghỉ phép ở nhà đấy! Hãy về với nó đi con! Bác vừa mới đi qua, ghé vào nhà nó hôm qua mà! Thảo nào, nó cứ đi tìm con mà không thấy tăm hơi đâu cả. Thôi, về với nó đi con! Thấy con là bác mừng lắm rồi, như đã thấy con bác vậy. Bác mừng cho con, mừng cho cái «cún» Dung. Thôi về đi, nó đang chờ con đấy. Chúc các con hạnh phúc!

Anh mời bác quay về với anh, nhưng bác từ chối vì còn phải ở lại, vào bản hỏi thăm, mai lại tìm tiếp. Anh xin ở lại, mai đi tìm với bác, nhưng bác gạt đi không nghe. Anh bùi ngùi chia tay bác rồi lao xuống dốc.

Niềm vui bất ngờ làm anh chạy như bay xuống đường. Chỉ thoáng chốc, trong đầu óc anh không còn dào Lũng Lô, không có năm mờ, gốc cây ban, không có cả bác Tiến Thành nữa. Chỉ còn có xóm Ngòi Lau, cái ngõ vào nhà em, bóng dáng nét mặt và nụ cười của em. Không biết thực hay mơ, anh như người đang bay từ trên đồi xuống.

Anh vội vàng nhảy lên xe, bóp còi inh ỏi gọi các đồng chí đi theo xe về, không chờ cậu lái xe có đồng ý nhường tay lái hay không, anh nổ máy và lao xe đi như một người được vàng. Cậu lái xe vốn cùng

đơn vị cũ, đã biết anh là tay lái xe đầu đàn, nên chỉ lắc đầu không hiểu sao anh đang buồn mà lại bỗng nhiên phấn khởi như phát rồ. Cậu ta cảnh giác, bám chặt lấy thành xe, mắt nhìn anh găm găm. Mặc kệ!

— Sao xe cậu lì thế, chả bốc tý nào cả?

— Nhìn xem, đồng hồ báo năm mươi ki-lô-mét mà còn không bốc à? Liệu chừng đấy!

Bỗng xe lao xuống đê gà đến rầm một cái làm cả anh và cậu ta bị nảy người lên, va đầu vào nắp cabin đau điếng. Máy ông tuồng ngồi trên xe xuýt bật ra ngoài, la hét inh ỏi. Mặc kệ. Anh vẫn phóng như bay.

Xe vào cua gấp nghiêng hẳn đi tưởng như đổ. Người ngồi trên xe ngã giúi dúi vào nhau. Xe qua đường rậm, những cành cây ven đường quất vào xe xoàn xoạt. Các đồng chí trên xe phải nằm rạp xuống sàn xe. Rồi trời tối, sương mù làm mờ hết cả kính phía trước. Đèn vàng lúc này cũng như không còn tác dụng. Mặc kệ. Không hiểu nguyên nhân nào giúp anh cứ chạy sầm sầm qua những đoạn đường đó.

— Phải chăng là anh chạy bằng những cảm tính trên những con đường quen thuộc trước đây, hay đúng hơn là anh chạy bằng sức mạnh tình yêu của em!

Chia tay với lái xe và các đồng chí cùng đi— họ phải đi công tác gấp không thể rẽ vào nhà em chơi và mừng cho cuộc gặp gỡ của chúng ta được. Họ đều siết chặt tay anh.

Xe chạy vút đi, để lại một mình anh dắt chiếc xe đạp tông tặc, đứng giữa đêm tối mịt mù.

IX

Lúc ấy đã tám giờ tối. Trời tối đen như mực. Anh chẳng có đèn dóm gì cả. Xe đạp cũng không có đèn.

Con đường rẽ vào ngõ sao gồ ghề lắm vậy? Anh cứ phải dò dẫm đi từng bước kéo lại lao xuống ruộng hoặc xuống vực.

Đã ba năm rồi, kể từ khi anh xa gia đình em lần cuối cùng. Không biết còn ai nhận ra anh không? Khi đã đến gần nhà, lối đi chệnh vênh quá, anh không thể nào đi được nữa. Anh tần ngần đứng lại. Nhìn vào trong nhà thấy còn đèn sáng, anh liền bóp chuông xe đạp kêu inh ỏi để báo động cho người nhà biết. Anh không gọi để xem người nhà có ai ra không? Tiếng chuông của anh, đầu tiên làm con chó Lu nhà em vừa sủa vừa chạy lao ra cổng. Anh liền gọi tên nó: Lu Lu! Lu Lu! Con Lu, thôi không sủa nữa, mà nó cứ mừng rỡ quẩn lấy chân anh và kêu làm hiệu cho những người trong nhà biết đó là người quen.

Bố mẹ em thấy con Lu thôi không sủa nữa, biết là khách quen, nên gọi các em thấp đuốc ra đón khách.

Có tiếng gọi nhau í ới. Anh vẫn theo dõi xem sự động tĩnh trong nhà. Và cũng phải chờ người nhà có đèn dóm ra mới đi được. Trời tối quá, địa hình lại không quen. Bỗng trong nhà có tiếng gọi của con trai vọng xuống dưới bếp:

— Chị Dung ơi, bầm bảo đốt đuốc ra xem ai đấy?

Anh bỗng giật mình khi nghe gọi tên Dung. Đúng Dung rồi! Dung còn sống thật rồi! Tuy đã biết từ chiều nhưng anh vẫn có một cảm giác bồn chồn khó tả. Anh muốn nhanh chóng vào tận nhà xem hư thực ra sao. Anh lại bấm chuông inh ỏi. Bỗng lại có tiếng quát từ trong bếp vọng ra, vẻ bức tức:

— Ai mà không vào nhà, đứng ngoài đó bóp chuông mãi thế?

Anh bỗng há hốc mồm ra. Thôi đúng tiếng Dung rồi! Ôi, Dung hãy còn thật à? Trời ơi, thế thì vui sướng nào bằng! Nhưng anh lại trấn tĩnh lại. Biết

dầu có thể là tiếng của Bích, cô em gái thì sao? Có thể khi lớn lên, Bích có tiếng giống chị thì sao? Tiếng bố em giục bọn trẻ mang đuốc nhanh ra công. Rồi Thăng và Lợi cầm đuốc đi ra. Anh nhận ra chúng. Chúng nó chóng lớn quá. Hai đứa cầm hai bó đuốc chạy ra theo tiếng chuông xe đạp—nơi gần bờ giếng đầu ngõ. Ra đến nơi, chúng nhận ra anh, rồi cùng một lúc reo tướng lên cho cả nhà cùng nghe thấy:

—A, anh Bình! Anh Bình! Băm ơi, anh Bình! Chị Dung ơi, anh Bình về rồi đây này!

Lợi tranh dắt xe đạp và đưa bó đuốc cho anh cầm đi vào nhà.

Nghe tiếng gọi: «Anh Bình!», em đang ngồi trong bếp vội lao vụt ra ngoài sân, chạy ra ngõ ngóng nhìn. Thấy cái dáng đang cầm đuốc đi vào nhà, đúng là anh thật rồi. Ôi, chân tay em bỗng luống cuống cả lên, người em bỗng run run sắp ngã, lòng em rạo rục nóng bừng. Em vội ù té chạy vào trong bếp ngồi, tắt hết ánh lửa đi, để ngồi một mình, nghe trái tim mình đập rộn rập như những quả bom chùm rơi xuống đèo Lũng Lô. Em chờ cho mình được tận hưởng phút cảm động đầu tiên một mình mình, khi nhìn thấy «anh đã trở về» ra sao?

Cả nhà quây quần vồn vập lấy anh, riu ra riu rít làm anh đâm ra luống cuống. Anh chỉ muốn nhìn ngay thấy em. Mẹ em gọi em mấy lần, nhưng em không lên. Anh bỏ mặc mọi người trên nhà, lao xuống bếp và ôm chầm lấy em:

—Trời ơi, có phải em còn sống thật không đây? Thế mà anh đã khóc em, vĩnh biệt em bao nhiêu năm nay? Ngay buổi chiều nay, anh cũng đã thấp hương ở năm mồ vô danh của em!

Bỗng nhiên, Dung gục vào ngực anh, khóc òa lên như một đứa trẻ con.

Ôi, những giọt nước mắt sung sướng! Ôi, những giọt nước mắt hạnh phúc! Người cố chạy ra đi! Hãy chạy ra như sông như suối! Đó mới thật sự là hạnh phúc! Đó mới thật sự là hòa bình!

Quả bom nổ ở chân đèo Lũng Lô hôm ấy đã làm Hạnh hy sinh tại chỗ, còn em và cậu Lam bị bắn tung sang bên kia ngòi Lầu, cách xa đến mười lăm mét, bị rơi vào một bãi cỏ. Rồi một quả bom nữa gần đó, đến giờ tự hủy, bắn tung những cây cỏ, đất cát phủ lấp lên người chúng em. Tối hôm ấy, những người đi tìm chỉ đào bới ở bên này suối. Mãi sáng hôm sau, những người đi rừng mới phát hiện ra chúng em đang « bị chết » ở bờ bên kia suối. Đơn vị vội cấp cứu ngay. May quá, chúng em còn sống, chỉ bị ngắt thôi. Chúng em được đưa về trạm cấp cứu, rồi đi viện quân y.

Một tháng sau, em ra viện, lại đòi về đơn vị phá bom của anh Bang, rời Lũng Lô, về đèo Pha Đin, Tuần Giáo và vào thẳng mặt trận Điện Biên Phủ cho đến khi thắng lợi.

Hòa bình lập lại. Em hỏi tìm và chờ đợi không thấy anh đâu. Em thất vọng nhưng vẫn kiên trì chờ đợi. Một năm không thấy anh về. Rồi hai năm, ba năm cũng không thấy anh về. Cả nhà giục em đi lấy chồng, em không nghe, vẫn chờ đợi. Em không tin là anh đã hy sinh vì em đã gặp một số bạn bè cho biết là đã gặp anh đi chiến dịch Thượng Lào sau giải phóng Điện Biên. Em cũng không tin rằng anh đã phụ bạc em hoặc quên tình nghĩa gia đình. Vì quả bom nổ vùi em đi, rồi em lại sống lại, anh đã biết gì sau đó đâu. Còn quên tình nghĩa ư? Không. Anh không thể như thế được. Không hiểu vì sao em có một niềm tin như vậy. Nghĩa là em chỉ có một hy vọng: Nếu anh còn sống, thì trước sau anh sẽ trở về với em!

Quả nhiên niềm tin mãnh liệt của em đã được đền bù một cách thích đáng: Anh đã trở về!

X

Mới đó mà thăm thoát đã ba mươi năm. Kể từ ngày Điện Biên thắng lợi.

Sau lần về phép đó ít lâu, chúng tôi cưới nhau. Dung đã chuyển ngành ra công tác ở bệnh viện Yên Bái. Còn tôi chuyển về dưới xuôi công tác. Tuy vậy, hàng năm tôi vẫn trở về phép thăm nhà ít nhất một lần, mỗi lần dăm ba hôm đến một tuần lễ, có khi đến nửa tháng.

Tôi và Dung đã hứa với nhau sẽ lên thăm lại đèo Lũng Lô, thăm cây hoa ban của tôi trồng, thăm «nấm mồ của Dung», thăm nơi có kỷ niệm sâu sắc nhất của chúng tôi, nơi đã đồng thời để lại đau khổ và hạnh phúc của chúng tôi.

Nhà tôi chỉ cách đèo Lũng Lô trên ba mươi ki-lô-mét, đi xe đạp mất ba tiếng, đi ô-tô chưa đầy một tiếng. Chúng tôi đã có bốn đứa con. Cả bốn đứa đều đang cầm súng bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Đã nhiều lần tôi hứa với các cháu khi các cháu còn nhỏ, là bố mẹ sẽ kể và dẫn các con đi thăm đèo Lũng Lô, một nơi di tích lịch sử của đất nước và cũng là một di tích lịch sử của gia đình, nơi đó bố mẹ đã đổ máu để có hòa bình cho các con hôm nay.

Nhưng chưa một lần nào hai chúng tôi đến thăm lại Lũng Lô như điều mong muốn. Cũng chưa một lần kể cho các cháu nghe hoặc dẫn các cháu đến đèo Lũng Lô, như đã hứa. Khi còn sống rồi cũng không đi được vì bận công tác, vì bận gia đình. Khi có con:

một đứa, hai đứa, đến ba, bốn đứa, thì việc gia đình cũng càng ngày càng bận rộn lên theo.

Cứ thế, năm tháng trôi đi. Thấm thoát đã ba mươi năm qua. Tôi từ một người lính đã trở thành sĩ quan cấp úy, rồi cấp tá, đã có điều kiện có xe con đi—xe đi cho việc công và cho cả việc riêng. Con đường từ Hà Nội lên Yên Bái và con đường 13A đã trải nhựa toàn bộ, đường rộng thênh thang, nhựa trải phẳng lì. Hàng năm tôi vẫn về quê bằng xe con tới một, hai lần. Khi về phép, khi thì về tranh thủ, khi bố mẹ ốm đau hay lễ tang các cụ, khi thì ngày giỗ ngày tết...

Một khoảng cách trên ba trăm ki-lô-mét từ miền biển lên núi rừng tôi vẫn đi lại dễ dàng, vậy mà chỉ một khoảng cách ba mươi ki-lô-mét đã ba chục năm nay tôi vẫn không đến được. Bởi lẽ, mỗi lần về nhà chỉ bận rộn với những việc vặt vãnh trong nhà, con lợn con gà, cái cày cái cuốc, be nước ấm chè. Thà rằng ở xa đã đành, nhưng tôi chỉ cách có một giờ xe chạy, hay chỉ đi bộ một ngày trời.

Tôi bỗng nhớ đến ngày trước, khi tôi được tin Dung « hy sinh », thì hàng tháng hoặc hàng năm tôi vẫn tìm mọi cách đến đền Lũng Lô đền viếng « năm mồ » của Dung, đền thắp nén hương « vĩnh biệt » Dung. Còn từ khi tôi đã tìm lại được Dung, tìm lại được hạnh phúc thì tôi lại quên mất nơi xuất phát của tình yêu và hạnh phúc của chúng tôi.

Có phải chăng, con người ta, khi mất mát, đau khổ thì hay tưởng nhớ đến những nơi đã xảy ra. Còn đến khi có được hạnh phúc sung sướng thì lại chóng lãng quên những nơi bắt nguồn?

Chẳng biết rằng ở nơi đó—bây giờ ra sao? Đường sá có ai trông nom tu sửa không? Cây cối có được tốt tươi, đẹp đẽ như những thời tiền chiến không? Có ai dựng đài kỷ niệm hàng trăm chiến sĩ đã hy

sinh ở đây chưa? Họ đã chiến đấu để bảo vệ đèo, các chiến sĩ cao xạ bắn máy bay và các chiến sĩ công binh phá bom, các chiến sĩ giao thông, thanh niên xung phong và dân công làm đường?

Liệu có ai nhớ tới nó không? Hay cũng như tôi: Khi gian khổ đau thương thì vĩnh biệt em. Đến khi no ấm hạnh phúc thì vĩnh biệt đèo!

Không. Tôi không thể nào như thế mãi được! Dù ngày mai tôi sẽ về hưu, dù gối mỗi chân chồn, phải chống gậy, tôi cũng phải đến đèo Lũng Lô để «vẫy chào đèo Lũng Lô!», và để được hô to một lần cuối cùng: «vĩnh biệt đèo Lũng Lô!».

Đờ Sơn, 02 giờ ngày 23-3-1984

BÊN CẦU CHIA LY

Trở về bên cũ

Thế là đại đội tôi lại được trở về bảo đảm giao thông ở đoạn đường quen thuộc và bến sông Chia Ly này. Đối với tôi, đây cũng là niềm vui, nhưng cũng là một mối lo lắng. Vui vì được trở lại nơi tôi đã cống hiến hết sức mình để xây dựng nên chiếc cầu này, nó là công trình kỹ thuật đầu tay của tôi, người thiết kế cầu. Còn gì bằng được trở lại, ngắm cái công trình do chính bàn tay mình vẽ ra và trực tiếp xây dựng nó. Nhưng cũng lo là liệu nó còn được nguyên vẹn như xưa, nếu nó đã bị bom đạn giặc làm hư hỏng thì liệu tôi có sửa chữa và giữ gìn cho nó được mãi mãi không? Mỗi khi nghe tin máy bay giặc Mỹ đến bắn phá chiếc cầu này, tôi thấy tắc nghẹn cổ họng. Và mỗi khi nghĩ đến việc mình phải tự tay phá nó đi để làm lại một chiếc cầu khác, tôi lại rùng mình. Bởi lẽ không những nó chỉ là chiếc cầu đầu tay mà còn là chiếc cầu duy nhất của tôi, trước khi vào bộ đội. Và đó cũng là điều may mắn cho tôi, sau khi tốt nghiệp đại học ít lâu, tôi được về công tác ở vùng rừng núi thuộc tỉnh miền Trung này, nơi ít người muốn đến công tác ở cái đất «khí ho cò gáy» ấy, do đó loại cán bộ kỹ thuật trai trẻ như tôi dễ được trọng dụng. Cho nên chỉ vài năm sau, tôi đã có được tác

phạm đầu tay ấy. Nhiều bạn bè cùng lớp đã ghen tỵ với tôi. Chúng nó, có đứa hàng chục năm trời cũng chưa làm nên trò trống gì, nhiều cậu cho đến trước khi đi bộ đội cũng vẫn chỉ là chân thợ lý giúp việc, kỹ sư phụ tá hoặc chỉ là kỹ sư sửa chữa ò gà, cồng rãnh... mà thôi.

Chiến tranh! Chúng tôi vào bộ đội, nhưng không mấy người được trực tiếp cầm súng chiến đấu ở các đơn vị bộ binh phía trước. Nghề nghiệp cũ đã đưa chúng tôi trở về với những chiếc cầu, những đoạn đường cũ và mới. Tôi lại được làm quen với nhịp cầu quân sự thật là đơn giản, nhưng cũng thật là phức tạp. Chúng tôi không phải ngồi tính toán, như thiết kế cầu bê-tông vĩnh cửu trước đây, không phải giải quyết hàng loạt những bài toán, những phương trình học búa về nền móng, về kết cấu, về thi công, v.v... Tất cả những cái đó đã được người ta giải quyết rất khoa học và đã chế tạo sẵn thành những bộ cầu «chế thức» tiên tiến. Cái phức tạp là ở chỗ làm sao bảo đảm thời gian, bảo đảm tốc độ, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống khó khăn, phức tạp về địa hình, thời tiết và bom đạn giặc mà vẫn bảo đảm được an toàn cao nhất, đề đưa xe, pháo ra chiến trường được nhanh, được nhiều...

«Trường đại học thứ hai của tôi» — tôi vẫn thường gọi cuộc đời bộ đội của tôi như vậy — quả là một trường rèn luyện tổng hợp cho con người, không những về ý chí, về bản lĩnh mà còn nâng cao về khả năng kỹ thuật phù hợp với những thực tế khắc nghiệt mà không một trường đại học nào có thể giảng dạy được.

Với lòng căm thù giặc Mỹ xâm lược, với nhiệt tình của tuổi trẻ và với bản lĩnh kỹ thuật sẵn có, tôi đã hăng say lao vào tất cả, không từ một nhiệm

vụ khó khăn, phức tạp nào. Từ một chiến sĩ công binh cầm búa, cầm chèo, khiêng dầm vác ván, đào hào đắp ụ, đánh mìn phá bom, tôi đã được đi nhiều chiến trường và đã trưởng thành. Đại đội của tôi, do tôi làm đại đội trưởng, vốn là một đại đội có truyền thống chiến đấu giỏi. Tôi đã tự hào về nó và cũng không đến nỗi xấu hổ với nó. Truyền thống của đại đội đã rèn luyện và nâng bước tôi trưởng thành, và chính tôi cũng đã góp phần xương máu của mình vào truyền thống đó.

Đại đội chúng tôi đang bảo đảm giao thông ở một đoạn đường phía trong, cách đây hơn 100 ki-lô-mét, bỗng được lệnh quay ra bảo đảm giao thông ở đoạn cầu Chia Ly này. Khi giao nhiệm vụ, đồng chí binh trạm trưởng giải thích cho tôi: Đây là một trọng điểm bị địch đánh phá nhiều, nên phải đưa một đại đội mạnh ra chốt. Binh trạm cũng biết tôi là « tác giả » của chiếc cầu này, đã quen thuộc địa hình, thung thò và nắm chắc kỹ thuật, nên đưa tôi ra đây, binh trạm hy vọng sẽ bảo đảm được thông suốt liên tục. Cuối cùng đồng chí binh trạm trưởng còn bắt tay thân mật và dặn dò tôi thêm:

— Phải có những hành động chiến đấu và xử lý kỹ thuật thật vững chắc và táo bạo mới có thể đánh thắng được bọn giặc Mỹ ở đây. Minh tin ở cậu.

— Vâng, xin thủ trưởng cứ yên tâm. Nó là « đứa con đầu lòng » của tôi đấy. Tôi xin kiên quyết bảo vệ nó đến cùng! Tôi hứa với Binh trạm trưởng một cách quả quyết.

Suối Chia Ly

Không hiểu ai đã đặt ra cái tên suối Chia Ly và được gọi từ bao giờ? mà mới nghe người ta đã có

một cảm giác buồn buồn, như có một sự tan vỡ, biệt ly nào đó. Cái tên hay hay ấy đã hấp dẫn tôi trong những ngày đầu khảo sát, thiết kế và xây dựng nhịp cầu Chi Ly này.

Đó là những năm hòa bình cuối cùng, trước khi bọn giặc Mỹ gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nước ta. Chúng tôi về đây khảo sát tuyến đường mới, đi qua một con suối, một con suối khá sâu và nước xanh đen dễ sợ. Phía thượng lưu chảy len vào giữa những khe núi đá vách đứng rất cao, phía hạ lưu trải rộng ra như một con sông nhỏ, năm hai bên là những sườn đồi thấp và thoải; bỗng nhiên giữa sông nổi lên một hòn núi đá không lớn lắm, chia đôi dòng thành hai ngã suối, chảy xuống những ghềnh thác có độ chênh lớn tạo nên những tiếng réo của nước đổ, hai dòng suối chảy về hai ngã — một Bắc, một Nam — rồi nhập vào những lưu vực sông đồng bằng; không bao giờ gặp nhau.

Đó là con suối mà tìm trên nhiều bản đồ không thấy tên, chỉ đến khi đến đây, mới được nghe bà con ở những làng bản xung quanh gọi như thế. Một cụ già kể lại với tôi: Ngày xưa có một đôi trai gái yêu nhau, nhưng không lấy được nhau. Đó là con gái một hào trưởng giàu có và một chàng đi ở nghèo khổ. Họ liền trốn lên rừng ăn ở với nhau, nhưng bị hào trưởng cho người đi lùng sục, tìm bắt về. Họ phải đóng một cái mảng đề nhờ dòng nước đưa họ trốn xuống vùng xuôi. Không ngờ họ gặp phải một cơn mưa, lũ chảy xiết, chiếc mảng của họ đâm vào một hòn đá bị vỡ đôi, mỗi người mỗi ngã, rồi lao xuống ghềnh thác bị dòng nước cuốn đi. Họ chết mà vẫn không bao giờ được gặp nhau, nên mới gọi là suối Chia Ly. Ở đây, ghềnh thác luôn luôn khóc thương họ, âm ỉ suốt ngày đêm, cũng như nước mắt dân làng thương xót họ chảy về hai dòng suối không

bao giờ cạn. Quả thật, mùa mưa cũng như mùa khô, suối ở đây không bao giờ hết nước. Cho nên trước đây chúng tôi đã không tính toán làm ngầm đi trong mùa cạn, như nhiều đoạn suối khác ở vùng này, mà vẫn phải bắc cầu.

Lại cũng có những người dân khác nói về cái tên kỳ lạ đó là, do suối ở đây nước rất độc, chảy qua một rừng lim bạt ngàn từ trên nguồn xuống, nên nước xanh đen rợn người, mùa khô lội xuống có thể rụng chân lông, đi rừng trời nóng đang khát nước mà uống vào dễ bị đau bụng chết, nếu không về nhà cũng bị ốm mà chết. Họ còn kể nhiều về chuyện ma thiêng nước độc, về con suối Chia Ly. Chung quy lại là: người từ xa đi tới con suối kỳ lạ này nếu không cúng ma thì không bị nước độc chết, cũng bị thác nước cuốn đi, hoặc đá lở xuống đầu mà chết. Vì thế, ở ngay hốc đá trên bờ suối người ta đặt mấy bát hương đề cúng ma. Ai qua đây cũng thắp hương khấn vái rồi mới lên rừng hoặc lội qua. Bọn thầy mo, thầy cúng cũng theo dặt, bịa đặt thêm những chuyện kỳ, ma mãnh đề kiếm ăn ở quanh vùng này.

Đạo đó, công ty cầu đường chúng tôi đã phải giải quyết nhiều vụ rắc rối trong cuộc vận động nhân dân ở đây đề phá bỏ những, «miếu ma cô», «đền ông mãnh»..., giải thích đề bác bỏ những chuyện hoang đường xung quanh việc mở tuyến đường, làm mặt bằng và xây dựng chiếc cầu Chia Ly này.

Tôi nhớ lại những ngày khảo sát và thiết kế cầu. Lần đầu tiên tôi được chủ trì thiết kế cầu. Cũng có nhiều phương án được đề ra, như phương án làm cầu vòm, phương án làm cầu xây đá, rồi kiểu dầm mút thừa... Đó là ý kiến của mấy kỹ sư trên tỉnh, trên Bộ khi nghe qua tôi báo cáo tài liệu khảo sát và sơ đồ mặt bằng. Nhưng rồi cuối cùng cũng chẳng ai quá quyết, vì họ sợ nếu giữ ý kiến đó, họ phải

trực tiếp đi thiết kế hoặc thi công chiếc cầu theo phương án của họ. Mà ở cái đất «ma thiêng nước độc» này, có phải đi công tác một vài ngày họ đã không muốn rồi, huống chi phải ở lại hàng năm trời để xây dựng cầu. Cuối cùng chỉ còn phương án của tôi là tồn tại. Phương án cầu dầm đơn giản mà tôi cho là phù hợp với «sức vóc» của mình. Tôi cũng đã phải tính toán nhiều đề lựa chọn lấy cho mình một phương án kỹ thuật tối ưu. Nói cho cùng ra, tôi cũng thích, mà địa hình, địa chất ở đây cũng cho phép làm cầu vòm rất phù hợp. Cầu vòm là loại cầu đẹp, hơn nữa là một kiểu cách mới trong ngành cầu đường bộ của ta. Nhưng tôi thấy quá nhiều khó khăn, việc tính toán khá phức tạp, riêng tôi tính một mình không xuê, mà tôi lại không muốn nhờ vả người khác trong lúc này. Đã vậy, chúng tôi lại chưa ai chỉ huy thi công bao giờ và chưa hề có một chút kinh nghiệm nào về cầu vòm. Nếu được thì là công lao của tập thể, mà nhớ không xong thì mình tôi phải ngồi tù. Những bậc «đàn anh» đi trước đã thường khuyên tôi như vậy đấy!

Phương án của tôi được duyệt, vì thực ra cũng chẳng còn phương án nào khác, ở đây mới có một mình tôi là kỹ sư, còn toàn là anh chị em trung cấp cả. Tôi và một vài đồng chí nữa trong tổ thiết kế chỉ việc sao chép một kiểu cầu định hình của Bộ Giao thông ra, thêm bớt ít nhiều về trang trí, cho nó mang tính chất độc đáo của riêng mình mà thôi. Tôi cũng tự an ủi mình : bắt chước người ta mà làm được cũng đã là giỏi rồi, tôi sẽ dành sự sáng tạo của mình vào những công trình sau.

Khi tính toán phần hạ bộ, tức là phần trụ đỡ cầu, một số anh em trung cấp kỹ thuật đề nghị giảm bớt khối lượng tôi đã tính toán cho tiết kiệm, nhưng tôi gạt đi :

— Các cậu thông cảm, công trình đầu tiên của chúng ta phải thật chắc chắn, thật an toàn. Cứ cho hệ số an toàn thật cao vào cho yên tâm!

Và dĩ nhiên hệ số $K = 2$ của tôi được sử dụng trong mọi tính toán, có chỗ quan trọng tôi còn cho $K = 3$ nữa. Tôi nhủ thầm: « Chắc, các thầy ở cấp trên có ai xuống đây đâu mà biết địa hình, địa chất cụ thể ra sao? Minh tính sao thì duyệt vậy thôi, chứ ai lên mà kiểm tra cụ thể ».

Đúng như tôi nghĩ, khi đưa thiết kế lên trên duyệt, cũng có một vài ý kiến thốt lên bảo tôi:

— Chết chưa, cậu tính toán thế nào mà lại đắt gấp đôi tiêu chuẩn Nhà nước thế này?

Tôi lại dùng bài, giở bản đồ địa hình, địa chất ra, báo cáo một vài số liệu, một vài yếu tố « quan trọng » và « đặc biệt » ở đây ra... Rồi cũng trót lọt.

Rồi đến giai đoạn thi công, tôi lại được bổ sung vào ban chỉ huy đội cầu, với cương vị đội phó kỹ thuật, tạo điều kiện cho tôi thực hiện được phương án thiết kế của mình. Khỏi phải nói, đây là những ngày tháng sôi nổi của đời tôi. Ngày đêm tôi lao vào công việc, say sưa và bền bỉ, hầu như lúc nào tôi cũng có mặt trên khắp công trường: xưởng cốt thép, xưởng ván khuôn, công trường khai thác đá... tôi luôn có mặt kiểm tra sâu sát từng công việc cụ thể. Tôi không muốn công trình đầu tiên của tôi lại có những sai lầm, những hư hỏng lớn trong quá trình thi công.

Bằng sự nỗ lực của mình, bằng sự nỗ lực của tập thể đội cầu và có cả phần giúp đỡ của chính quyền và nhân dân địa phương, điều mong mỏi của tôi đã được thực hiện. Sau gần hai năm lao động gian khổ chiếc cầu bê-tông cốt thép của chúng tôi đã hoàn thành. Nó không lớn, dài dưới 100 mét, chỉ là loại

cầu cỡ nhỏ. Nó chưa đẹp lắm, bước đầu thi công cũng còn nhiều bỡ ngỡ. Nhưng dẫu sao nó là cái cầu đầu tiên trong đời tôi chủ trì thiết kế và thi công. So với kế hoạch chúng tôi cũng đã vượt được gần ba tháng trời. Một tương lai hứa hẹn đang chờ trước mắt tôi, từ nhịp cầu này tôi sẽ bước lên những bước vững chắc. Tôi vui mừng phấn khởi thực sự.

Trong buổi khánh thành cầu, chính tay tôi đã đốt một dây pháo dài vắt qua gần suốt thành cầu.

Hạnh phúc

Sau chiến công cầu Chia Ly đó, tôi được khen thưởng, được kết nạp vào Đảng và được nâng bậc lương. Rồi hạnh phúc cũng đã đến với tôi.

Đạo đó, vào giữa mùa thi công cầu, đội chúng tôi được bổ sung thêm một số cán bộ trung cấp kỹ thuật mới ra trường, trong số đó có một cô gái tên rất con trai làm tôi phải đề ý, đó là Hoàng Anh Thục. Thục là cô gái đẹp nhất trong đám mới bổ sung về, nói đúng hơn, là hoa khôi của công trường chúng tôi lúc bấy giờ. Đó là một cô gái Hà Nội, vừa rời ghế nhà trường, và lần đầu tiên phải tiếp xúc với một vùng rừng núi âm u hiu quạnh như thế này. Lúc nào Thục cũng như muốn khóc. Một hôm tôi đã bắt gặp cô ta ngồi bên bờ suối khóc một mình, khóc thành tiếng như trẻ con. Đến nỗi, tôi đi vòng lại phía sau cô ta mà cô ta không biết. Không hiểu tại sao lúc đó tôi cũng khẽ ngồi xuống cách đó vài mét, ngắm nhìn cô ta khóc. Một cái khóc rất hồn nhiên và ... rất đẹp, tôi thầm nghĩ như vậy, và cứ đề yên nhìn cô ta khóc. Mãi đến khi, chừng như nỗi nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ Hà Nội đã nguôi, Thục thôi không khóc thành tiếng nữa, chỉ còn lại cơn mắt đỏ hoe và đôi

hàng mi ướt, nước mắt vẫn còn chảy ròng xuống má, tôi mới khẽ đánh động làm cô ta giật thót mình quay lại, rồi há hốc mồm nhìn thấy tôi đã ngồi yên ở đây từ lúc nào. Cái tâm trạng của một cô gái bị bắt quả tang làm một việc không đẹp khiến Thục ngượng ngùng, mặt đỏ như gấc, cô cúi xuống với thái độ « thì cũng đành liệu » vậy.

— Sao không khóc nữa đi, Thục? Khóc đi cho hết nỗi nhớ nhung! — Tôi hỏi nhỏ, về dĩ vãng của một người anh.

Như được người thông cảm và an ủi mình, Thục liền giải bày tâm trạng của mình một cách thật thà, rất ngay thơ:

— Em nhớ nhà, nhớ mẹ quá... anh Hải ơi!

— Không, em còn nhớ Hà Nội nữa, nhớ ánh đèn nê-ông, nhớ đường phố, nhớ công viên... nữa chứ?

Thục nghe tôi nói, chỉ gật đầu không hề từ chối.

Từ đó, tôi tự xác định trách nhiệm cần săn sóc, giúp đỡ Thục nhiều hơn. Trong công tác, cô ta tỏ ra là một cô gái thông minh, tiếp thu nhanh và có năng lực hơn các bạn.

Phải thừa nhận rằng trong giai đoạn thi công cuối cùng đây khó khăn phức tạp ở công trường, Thục là người tăng thêm sức mạnh cho tôi, không những vì Thục đã gánh vác cho tôi một phần công việc, mà cái chính có Thục bên cạnh, tôi cảm thấy lúc nào cũng phấn khởi, yêu đời. Một nhọc, vất vả là vậy, nhưng mỗi lúc cầm đến cây đàn ghi-ta cùng các bạn, trong đó có Thục, hát vang những bài yêu thích, thì mọi mệt nhọc như tiêu tan hết. Đối với Thục cũng vậy, hầu như có lúc tôi nhận thấy, sở dĩ Thục chịu đựng được với cuộc sống ở đây, hòa mình vào ao động với mọi người sôi nổi, hăng hái, có lẽ vì

có tôi ở đây, nếu không nói là vì tôi. Câu ngạn ngữ: « Tình yêu là sức mạnh » quả là không sai trong hoàn cảnh chúng tôi.

Tuy nhiên, trong chúng tôi không phải không có những bất đồng. Ấy là về mặt công tác, về kỹ thuật, đôi khi Thục cũng góp ý kiến với tôi, ví như: « Việc gì phải kiểm tra cốt thép kỹ như vậy, có mất thời gian không? ». « Làm gì phải bắt cán bộ kỹ thuật ngồi phơi nắng suốt ngày để kiểm tra sàng cát? », v.v.

Đôi khi tôi cũng góp ý với Thục, đại loại như: « Ra hiện trường mà em ăn mặc chầu chấu, kiêu cách quá, e anh chị em khó gần », « Ở công trường không nên dùng nước hoa », « Không nên bảo mẹ gửi quà bánh từ Hà Nội lên luôn. Tốn kém và phiền phức », v.v. Đại loại là xung quanh việc ăn diện của Thục. Nhưng tôi lại bị Thục hỏi vặn luôn: « Thế anh không muốn cho em ăn mặc chầu chấu, đẹp đẽ, sạch sẽ à? », « Em không muốn để anh xấu hổ vì em đấy chứ! », hoặc là: « Miễn là em không để ảnh hưởng tới công tác là được chứ gì? ».

Quả như vậy, Thục ít mặc quần áo lao động. Ra hiện trường vẫn mặc diện thật, nhưng mỗi khi cần thiết, Thục sẵn sàng xắn quần sa-tanh, lội vào đám bê-tông để kiểm tra đầm dề, hoặc sẵn sàng ghé vai đỡ đòn khiêng làm bàn tắm áo phin trắng là cứng của mình. Những lúc ấy thế nào Thục cũng được tôi khen một câu: « Dững cảm ghê! ». Nhưng tôi cứ cảm thấy kiêu điệu bộ tiêu tư sản thế nào ấy. Song, mỗi lần bàn với Thục về chuyện này, tôi đều phải nhượng bộ và im lặng. Tôi nghĩ: Chẳng qua Thục chưa quen rèn luyện nên mới như vậy. Rồi đây, trải qua năm tháng, công trường sẽ làm thay đổi được tính tình ấy, con người sẽ được cải tạo theo thời gian. Cái chính là Thục không để ảnh hưởng tới nhiệm vụ, công tác là được rồi. Ở cái lứa tuổi đó, giận hờn

trong tình yêu chỉ là cái vụn vặt, và cũng thường dễ tha thứ cho nhau.

Và cùng với niềm vui kết thúc công trường, hạnh phúc đã đến với chúng tôi. Đám cưới của chúng tôi được đơn vị tổ chức ngay tại công trường, vui vẻ và lịch sự tương chừng không kém gì ở Hà Nội, với đầy đủ các tiện nghi mà anh em, bạn bè và gia đình đã chuẩn bị đưa từ Hà Nội vào. Cũng đủ hoa lay-ơn trắng, nhạc Jaz, com-lê, áo dài, điện màu sắc sỡ lập lòe, bánh kẹo, chè thuốc. Toàn loại hảo hạng nhãn hiệu Thủ đô. Bà con dân bản cũng đến chúc mừng chúng tôi với những sản phẩm địa phương và những bài dân ca miền ngược.

Có thể nói, đó là những ngày vui sướng nhất đời tôi. Hạnh phúc được trọn vẹn ở công trường Chia Ly này.

Sau khi kết thúc công trường, chúng tôi lại chuẩn bị tiếp những công trình mới.

Nhưng rồi chiến tranh nổ ra, tôi phải lên đường nhập ngũ, sau đó ít lâu.

Xe vãn qua cầu

Hôm đầu tiên quay trở lại bến sông này, tôi phải lặng người đi, khi nhìn thấy chiếc cầu bị lỗ chỗ vết bom đạn, một nhịp cầu bị sập, gục xuống sông, một nhịp khác bị vỡ hẳn một mảng lớn, những ốt sắt lòi ra như những bộ xương người ốm yếu. Ở chỗ nhịp cầu gãy, nước dềnh lên, tung bọt trắng xóa, chảy réo rất như những tiếng khóc thương cho nhịp cầu.

AI đã từng có một đứa con duy nhất mà lại đang bị què quặt, ốm yếu, nằm trên giường bệnh, mới thấu hiểu tâm trạng tôi lúc này đối với cây cầu. Những kỷ niệm xưa trởi dậy trong tôi, biết

bao nhiêu mồ hôi công sức của tôi, của đồng đội tôi, mới có được chiếc cầu này. Vậy mà giờ đây nó đã bị thương. Bọn giặc Mỹ đã man đã trút xuống đây hàng trăm tấn bom đạn để phá hoại cây cầu vô tội ư? Tôi phải làm gì đây đối với nó — công trình đầu tiên trong cuộc đời kỹ thuật của tôi.

Tôi sẽ phải khôi phục lại nó, trả cho nó cái chức năng vận tải của một chiếc cầu và cả những hình dáng hài hòa từ ban đầu để cho nó đi vào nhiệm vụ lịch sử của nó, mãi mãi là dấu ấn của thời đại ở chốn này, một dấu ấn công trình của tôi. Anh em, bạn bè, đồng chí và bản thân tôi nữa, sau này, có thể là 10 năm, 20 năm sau vẫn có thể qua lại đây, đứng nhìn nó và tự hào về nó. Đây, công trình của tôi đây, tuy nó không to, không lớn, không đẹp lắm đâu, nhưng tôi đã làm ra nó, trong những điều kiện khó khăn, gian khổ và thiếu thốn như thế nào, các bạn có biết không? Và rồi chiến tranh đã hủy diệt nó, nhưng không, nó vẫn đứng vững đấy! Phải, tôi sẽ dùng mọi biện pháp kỹ thuật, và bằng mọi giá, sẽ khôi phục lại nó, bằng cách chắp vá, hàn lại những vết thương, và bằng những biện pháp mỹ thuật trang trí, tôi sẽ tô vẽ cho nó, chắc hẳn đã mấy người có thể nhìn thấy được những thương tích của nó? Họ sẽ lại càng phải khâm phục tôi, nếu được nghe kể lại những biện pháp để sửa chữa lại cây cầu lịch sử này.

Tôi suy nghĩ như vậy, và hầu như suốt mấy ngày đêm liền tôi lặn lội xung quanh chiếc cầu, đo, vẽ, tính toán... Có khi đang đêm tỉnh giấc, tôi lại dậy, khoác áo rét, cầm đèn pin, chống gậy mò ra chiếc cầu để đo lại một chỗ nào đó mà tôi đang suy nghĩ, tính toán chưa rõ ràng.

Ngay ngày hôm sau, những biện pháp đơn giản để bảo đảm giao thông qua cầu đã được thực hiện gấp

rút. Trước hết chúng tôi phải dùng sắt gỗ để bắc thành những nhịp cầu tạm để lên nhịp cầu gẫy, và những đoạn hư hỏng, lát ván cho xe qua cầu. Sau đó tôi sẽ cho hàn những thanh sắt cứng vào những chỗ vỡ, sứt mẻ, khi có điều kiện sẽ cho đổ bê-tông vá lại. Riêng nhịp cầu gẫy, tôi sẽ cho kích lên rồi hàn sắt tăng cường...

Có thể nói, các thủ trưởng binh trạm đã không nhầm khi điều đại đội tôi về đây. Chỉ hai ngày sau, cầu Chia Ly đã lại thông xe. Binh trạm trưởng liền diện xuống biểu dương đại đội và khen ngợi tôi. Tôi càng thêm phấn chấn đề lao vào tính toán và cho sửa chữa cầu cũ theo bước thứ hai. Nhưng tôi bỗng giạt mình khi đồng chí khí tài đại đội, cũng là một cán bộ trung cấp kỹ thuật, sau khi tổng hợp lại những bản thiết kế sửa chữa của tôi để dự đoán vật tư xin trên cung cấp, thấy số liệu sắt quá lớn, cậu ta nhìn tôi:

— Báo cáo đại đội trưởng, số lượng sắt ta định xin để sửa chữa khéo cao hơn số lượng sắt làm ban đầu của nó rồi... Thà làm lại một cái mới có khi lại còn dễ dàng và nhanh chóng hơn đấy, bởi vì phần nền móng hư hỏng phải sửa chữa không đáng kể, chỉ cần làm lại mặt cầu thôi!

Tôi nhìn lại bản thống kê, Ừ, đúng rồi, số lượng sắt cao quá! Tôi rà lại toàn bộ tính toán của mình xem sao. Cũng không thể bỏ bớt cái nào được cả, tôi không dám hạ thấp sức chịu tải của cây cầu. Lại còn hệ số an toàn nữa, dẫu sao tôi vẫn cứ phải sử dụng cái hệ số $K = 2$ truyền thống của tôi.

Ý kiến cậu khí tài cũng có lý đấy, nhưng nếu như thế thì còn gì là chiếc cầu cũ của tôi nữa chứ! Tôi liền gạt ý kiến cậu ta đi, với lý do: Theo ý định của cấp trên, cần phải khôi phục lại cầu cũ chứ không phải làm mới. Và lại, chúng ta còn phải vừa bảo đảm giao thông vừa sửa chữa kia mà, làm sao

có thể bỏ thời gian để làm lại mới được, với trình độ hiện nay của ta, nhanh cũng phải mất vài tháng chứ có ít đâu.

Dịch vẫn tiếp tục đánh phá mạnh, nhưng với sự đánh trả máy bay tích cực nhất của chúng tôi, bọn chúng phải bốc lên cao, bom rơi ít bị trúng cầu, giao thông của chúng tôi vẫn thông suốt.

Ở đây chúng tôi có những ưu thế địa hình thuận lợi cho việc đánh trả máy bay địch, bảo vệ cầu. Đó là những đồi cao lợi hại ở xung quanh khu vực bến sông. Cấp trên lại tăng cường cho chúng tôi thêm một phân đội pháo cao xạ, cho nên hầu như chúng tôi đã bảo vệ an toàn được cây cầu suốt mấy tháng liền. Cấp trên cũng đã cho chúng tôi một bộ cầu nổi để dự trữ từ dạo mới về, nhưng tôi vẫn cho cất giấu ở tít trên thượng lưu, trong một khu vực kín đáo, chưa phải dùng đến.

Nhưng rồi mùa khô sắp tới, việc chi viện cho chiến trường ngày càng phải khẩn trương để chuẩn bị cho chiến dịch mùa khô sắp tới, đánh cho địch những đòn quyết định. Lưu lượng xe ngày càng cao. Nếu như trước đây mỗi đêm chúng tôi chỉ bảo đảm hai trăm đến ba trăm xe qua cầu, thì gần đây đã tăng lên con số bốn trăm đến năm trăm xe và còn có khả năng lên cao nữa. Nhưng chiếc cầu của chúng tôi ngày càng bị yếu thêm. Những dầm, những ván lát thay liên tục mà không bảo đảm chịu nổi số lưu lượng trên. Có nhiều hôm tôi đã phải kéo dài thời gian thông xe đến sáu bảy giờ sáng. Bọn địch không đánh được cầu, chúng xăm dờng, nhiều xe bị bắn cháy do bị tắc cầu ùn lại, hoặc chạy ban ngày chưa kịp đến vị trí giấu xe.

Tôi lại phải vật lộn suốt ngày ở ngoài cầu, để trực tiếp chỉ dẫn những mối hàn, đặt từng thanh sắt, từng tấm ván. Tôi cũng lao vào khiêng dầm lát ván

với chiến sĩ, có lúc còn phải hàn điện thay cho các chiến sĩ hàn một vài ca. Tôi ra sức chấp vá, chống đỡ để bảo đảm giao thông mà vẫn không rời bỏ ý định kết hợp, khôi phục chiếc cầu, do vậy tốc độ có bị chậm hơn. Tôi khắc phục bằng cách động viên cán bộ, chiến sĩ nỗ lực làm thêm ca kíp, tăng thêm cường độ lao động để bảo đảm thời gian thông cầu hàng ngày.

Đồng chí binh trạm trưởng đã một vài lần phê bình nhẹ chúng tôi về việc chưa bảo đảm tỷ lệ thông xe trong đêm. Binh trạm cũng lại thông báo chi viện cho đại đội tôi mấy nhịp cầu sắt để khi cần có thể phá bỏ cầu cũ, rồi lao cầu sắt qua, nhưng tôi chần chừ chưa muốn nhận. Tôi tin vào khả năng tôi vẫn có thể sửa chữa được cầu cũ theo phương án của tôi.

— Miễn là tôi vẫn bảo đảm thông xe qua cầu chứ sao!

Tôi lập luận với mọi người như vậy. Quả thế, ở một vài bến của các đơn vị khác còn bị tắc cầu, chứ chúng tôi đã bị tắc cầu bao giờ đâu, chỉ chậm tốc độ thôi, tôi đã khắc phục cho chạy quá sang ban ngày, xe bị đánh trên đường thuộc trách nhiệm của lái xe, chứ không phải tại cầu. Có lúc tôi đã gán cò cũi nhau với mấy cậu cán bộ kỹ thuật ở binh trạm như vậy.

Rồi tôi lại lao vào sửa chữa, mất ăn mất ngủ, người tôi gầy sòm đi, da cháy đen kịt lại.

Tuy nhiên, tốc độ thông xe của chúng tôi vẫn chưa tiến bộ được là bao.

Có giáo vùng cao.

— Chú Hải ơi, dậy ăn cháo đi, dậy ăn cho nóng. Cháo mẹ cháu nấu đấy. Đay này ngon lắm cơ ! Nào chú Hải, dậy ăn cháo đi...

Tiếng con bé Thăng, con chị chủ nhà gọi mãi làm tôi bừng tỉnh dậy. Một nồi cháo nhỏ đang bốc hơi nghi ngút ở trên mặt bàn và một bát hành sống đã cắt nhỏ để bên cạnh. Mùi cháo hành thơm thơm, quyến rũ lạ lùng. Tôi ngồi dậy, kéo cháu bé vào mình, vỗ nhẹ nhẹ lên vai nó:

— Cảm ơn cháu nhé, để rồi chú ăn. Mẹ cháu đi đâu ?

— Mẹ cháu ra trường rồi !

— Sao cháu chưa đi học ?

— Mẹ cháu dặn ở nhà gọi chú dậy ăn cháo xong, cháu mới đi.

— Thôi, cháu đi học đi, để đấy chú ăn xong rồi chú dọn.

— Không, chú ăn ngay đi cơ ! Mẹ cháu bảo, cháo hành phải ăn nóng mới ra mồ hôi. Chú bị sốt đấy, chú ăn đi, cháu dọn xong cháu mới đi học. Còn kịp chán mà !

Tôi phải chiều lòng con bé. Đợi tôi ăn rồi cất dọn xong con bé mới chịu đi học. Nhìn cái bím tóc như đuôi chuột lúc lắc đằng sau, con bé cắp cặp vừa chạy vừa nhảy một loáng đã khuất sau ngõ, xuống ven đồi về phía trường cấp 1—2 của xã, bất giác lòng tôi lại thấy buồn ngủi. Từ khi về đây, bộ phận tiền trạm đã bố trí cho ban chỉ huy đại đội chúng tôi ở đây, mé sườn đồi, có thể nhìn thấy cầu rất rõ ràng ngày cũng như đêm. Tôi và một đồng chí liên lạc ở nhờ nhà cô Thuận dạy cấp hai. Đồng

chí chính trị viên và các đồng chí khác ở mấy nhà phía đằng sau.

Cô Thuận là người ở dưới xuôi, sau khi tốt nghiệp trường 10 cộng 3, xung phong lên dạy học ở miền núi. Thuận có nước da của con gái vùng biển, màu nâu khỏe mạnh. Cái Thăng — con gái Thuận — đã lên mười, vậy mà chưa ai đoán Thuận năm nay đến ba mươi một tuổi. Ấy là Thuận đã phải chờ tang chồng bảy năm rồi. Nếu có hạnh phúc trọn vẹn, chắc hẳn cô còn trẻ hơn nhiều. Anh Chiến — chồng chị — trước cũng là giáo viên. Anh cưới vợ trước ngày lên đường nhập ngũ chưa đầy một tuần lễ. Anh vào chiến trường chiến đấu. Sau ba năm, người ta đưa về cho gia đình Thuận một bảng vàng Tô quốc ghi công, ghi tên liệt sĩ Nguyễn Đình Chiến. Anh để lại cho Thuận một mẹ già ngoài 60 tuổi và đứa con gái chưa biết mặt cha. Từ đó Thuận âm thầm vừa dạy học vừa nuôi mẹ chồng, nuôi con và ở hẳn trên vùng đất miền núi này. Cách đây vài năm, mẹ chồng Thuận cũng đã qua đời ở đây. Gia đình Thuận cũng chỉ còn vài anh chị em đi công tác mỗi người mỗi phương, năm thì mười họa mới gặp nhau ở dưới quê. Chính quyền và bà con địa phương thương xót mẹ con Thuận và quý tính tình dịu dàng, nét na của cô giáo rất nhiệt tình và có tài giáo dục con trẻ nên đã đùm bọc, giúp đỡ mẹ con Thuận. Ngôi nhà gỗ ba gian cao ráo sạch sẽ này là mối tình của dân bản đối với người liệt sĩ đã khuất và cũng là đối với cô giáo hết lòng vì con em dân bản.

Từ khi đại đội chúng tôi trở lại bến sông này, làng bản càng thêm nhộn nhịp hẳn lên bằng những tiếng hò, tiếng hát, bằng những đêm bắc cầu làm đường, những ngày gặt lúa bên trận địa bản máy bay, và bằng những câu chuyện bên bếp lửa hồng và những nụ cười của con trai con gái. Nhà Thuận

khi có chúng tôi đến cũng hình như ấm cúng hẳn lên, ít ra cũng còn có tiếng đàn ông — như Thuận nói vui — chứ không chỉ lủi thủi hai mẹ con đàn bà. Ấy là nói vậy thôi, chứ nhà Thuận trước đây có lúc nào vắng tiếng trẻ con trai gái ẽ a suốt ngày ở đây. Nhất là từ ngày có các chú bộ đội về, nhà cô lại càng vui. Cái Thăng suốt ngày, hễ rỗi lúc nào là lại bắt chúng tôi dạy hát. Cây đàn ghi-ta của chú liên lạc thường cứ được gõ «phập phình» cho bọn trẻ hát, múa suốt buổi tối.

Suốt mấy tháng trời ở đây, tôi vẫn chưa có dịp nào nói chuyện về gia đình với cô chủ nhà. Hầu như suốt ngày lăn lộn ở ngoài cầu, lúc về nhà không nắm vật ra ngủ thì cũng bò ra vẽ vẽ, viết viết. Nhiều hôm mệt mỏi quá, tôi ngủ thiếp đi trên giường không kịp cởi giày dép.

Cô giáo Thuận đã cung cấp cho tôi khá nhiều chuyện xung quanh chiếc cầu, nhất là những trận máy bay giặc Mỹ đến đánh phá, cả những chuyện ma mãnh mà cô đã thu lượm được từ trước tới nay. Trong sinh hoạt, cô tỏ ra đặc biệt quan tâm săn sóc tới chúng tôi. Trước khi đi dạy học, thế nào cũng đã có ấm nước chè xanh trên bếp, rồi khi thì đĩa sắn, lúc thì mấy củ khoai luộc đặt sẵn trên bàn. Buổi tối hoặc đêm khuya ở ngoài cầu về, đã có sẵn một phích nước nóng, giường chiếu của chúng tôi luôn luôn được giặt giũ sạch sẽ. Một hôm, chú liên lạc kêu lên với tôi:

— Gớm, cô Thuận toàn sẵn đón hỏi han về chuyện thủ trưởng thôi?

— Hỏi chuyện tứ ầy à? Thế cậu kè sao? — Tôi thăm dò.

— Thì có sao em kè vậy, chứ có thêm bớt gì đâu? Mà cô giáo xem chừng thương hoàn cảnh gia đình thủ trưởng lắm!

— Thôi, chết tao rồi! Sao mày lại đem cả lý lịch hủ trưởng kê cho cô giáo nghe là thế nào, mất cảnh giác rồi? — Tôi nửa đùa nửa thật dọa cậu ta.

Chú liên lạc nhỏ con, chưa đầy mười tám tuổi, cứ há hốc mồm nhìn tôi mà lo lắng. Cậu ta sợ bị kỷ luật. Tôi bỗng phá lên cười và khuyên cậu ta lần sau không nên nói như vậy. Cậu ta lại chống chế:

— Chỉ có cô giáo hỏi thì em mới nói, chứ ai em cũng nói cả đầu!

Từ hôm ấy, lòng tôi bỗng xôn xang khó tả. Một niềm vui, một nỗi buồn thoát ăn, thoát hiện trong tôi. Sự hoài nghi với đàn bà con gái ngày càng xâm chiếm lòng tôi.

Một buổi tối, tôi ngồi tính toán lại một số bản vẽ còn cô giáo thì ngồi chấm bài hoặc soạn giáo án gì đó ở bên kia bàn. Suốt cả buổi tối đến ba, bốn tiếng đồng hồ, việc ai người ấy làm, không ai nói với ai. Chỉ có một lúc, đèn hết dầu, cô giáo đứng dậy rót dầu rồi lại ngồi vào bàn. Tôi vội làm việc để kịp mai có số liệu cho người đưa lên bình trạm báo cáo. Đã khuya lắm rồi tôi vẫn làm chưa xong, mà đầu cứ nặng trĩu xuống, mắt dip lại, tôi bỗng gục xuống bàn lúc nào mà không biết. Trong lúc mơ mơ màng màng, tôi cảm giác thấy có một bàn tay nhỏ nhắn cứ vượt nhẹ lên đầu tôi. Tôi bỗng đưa tay lên cầm lấy bàn tay ấm áp ấy, đặt vào trán mình, bàn tay đó vẫn đề yên, tôi lại từ từ gục xuống trên lòng bàn tay ấy, không biết là bao lâu. Tôi sực tỉnh dậy, mồ hôi vã ra trên trán, bàn tay cô giáo cũng bị ướt nhưng vẫn đề nguyên. Tôi ngượng ngập nhìn cô, nói khẽ:

— Chết chưa, xin lỗi, tôi buồn ngủ quá!

Cô giáo nói với một giọng rất êm ái:

— Anh cứ ngủ nữa đi, có lẽ anh lại bị sốt rồi đấy!

Tôi khê dỡ cánh tay cô giáo ra khỏi tập giấy của tôi, rồi lắc đầu:

— Tôi không thề ngủ được, cầu chưa sửa chữa xong.

Cô giáo ngược mắt nhìn tôi, vẻ dăm đuối. Tôi nhìn cô, rồi như thấy lại đôi mắt của Thục ngày nào, tôi bỗng rùng mình đứng lên.

Sự hoài nghi với đàn bà con gái tự nhiên dấy lại trong tôi và ngày càng xâm chiếm lòng tôi.

Những tiếng xì xào

Cuộc hội đàm ở Pa-ri đang có nhiều chuyển biến tốt, có lợi cho ta; bọn Mỹ có khả năng phải chấp thuận điều kiện ngừng bắn, hoặc ít ra cũng buộc phải thu hẹp địa bàn hoạt động của máy bay, tức là chiến tranh phá hoại có hạn chế.

Các binh trạm, các tuyến đường được lệnh nhanh chóng chuẩn bị khôi phục, sửa chữa và làm mới để nâng cấp tuyến đường, bảo đảm cho lưu lượng xe, trọng tải lớn hơn, nhanh chóng chở hàng chi viện cho chiến trường liên tục tiến công, liên tục xốc tới, mở những chiến dịch lớn có tính chất quyết định. Trong quá trình sửa chữa hoặc xây dựng, trên toàn tuyến vẫn bảo đảm giao thông với lưu lượng tối đa, các bến phải có đường ngầm hoặc cầu phụ, cầu tạm, các đoạn đường trọng điểm phải có đường vòng, đường tránh, đồng thời phải đề cao cảnh giác không được lơ là thường trực chiến đấu bắn máy bay và phá gỡ bom đạn, đề phòng bọn địch dờ chừng đánh lại bất ngờ.

Giữa lúc đó, đại đội tôi được tăng cường thêm một kỹ sư về làm đại đội phó. Đó là thiêu úy Tuấn, tốt nghiệp trường đại học kỹ thuật quân sự ra, đã vào

chiến trường và được rèn luyện trong bom đạn gần một năm nay, hiện đang là trợ lý kỹ thuật của binh trạm. Đó là một sĩ quan trẻ tuổi và khỏe mạnh, có nước da nâu của con trai vùng biển. Tuấn không thuộc dạng đẹp trai, nhưng thân hình to khỏe, cân đối, có nụ cười rất tươi và dáng dấp nhanh nhẹn hoạt bát. Toàn bộ con người cậu ta như toát lên một sức mạnh và có sức quyến rũ lạ thường ngay cả đối với cánh con trai, chứ chưa nói gì bọn con gái.

Tôi hy vọng cậu ta sẽ là một chân đực lực giúp tôi trong việc sửa chữa và khôi phục lại chiếc cầu cũ theo phương án của tôi. Nhưng sau một ngày một đêm lặn lội nghiên cứu, — phải nói cậu ta cũng có tác phong tỉ mỉ và xông xáo giống tôi mà tôi rất ưa — cậu ta lập một phương án khác hẳn, đưa tôi xem. Rồi cậu ta nói với tôi bằng giọng nửa đùa nửa thật:

— Thôi, phá nó đi thôi bố ạ! Sửa chữa làm gì cho mất công vô ích mà lại chẳng ra trò trống gì. Cứ phá hẳn nó đi, làm lại một cầu khác còn nhanh hơn, đẹp hơn, bố ạ!

Tôi bỗng như người bị dội nước lạnh, mắt trừng lên nhìn cậu ta, không nói được câu nào « A, lại thêm một ông tướng ngựa non háu đá này nữa! Cái ý kiến đó, cái tư tưởng đó, ở đây cũng đã có rồi đấy! Nhưng tao đã vui đập nó đi từ mấy tháng nay rồi, bây giờ mày mới về, lại muốn kêu lại sao? A! Bọn trẻ chúng mày chẳng biết tôn trọng gì công lao của người đi trước cả, lại muốn lập công mới trên xương máu của người khác hay sao? Không dễ ngon ăn đâu! Đạo trước tao đây còn phải sầy vầy gần hai năm trời mới làm xong nó đấy, mấy ông nhóc lại chỉ làm vài tháng thôi ư? Đúng là điếc không sợ súng thật!».

May sao lúc đó, đồng chí chính trị viên vừa đến, nên tôi đã kịp dừng lại mà không cho cậu Tuấn một bài học ban đầu.

Đồng chí chính trị viên mời chúng tôi họp chi ủy đề bàn về phương án sửa chữa cầu. Chi ủy gồm có chính trị viên làm bí thư, tôi và đồng chí Tuấn mới được trên chỉ định bổ sung. Trong cuộc họp chi ủy, với vẻ kẻ cả, tôi đề cậu Tuấn trình bày phương án của cậu ta trước.

Tuấn trình bày phương án rất đầy đủ, tỉ mỉ, có lý lẽ phân tích và so sánh về lợi hại các mặt quân sự, kinh tế, chính trị, mà trước mắt là với nhiệm vụ sắp tới. Phải nói phương án của cậu ta làm tương đối đầy đủ và tỉ mỉ. Tôi không ngờ trong một thời gian rất ngắn mà cậu ta lại chuẩn bị được như vậy. Cũng không ngờ trong cái miệng non choẹt của cậu ta lại phân tích những ý nghĩa chiến thuật, chiến lược trơn tru cứ như cậu ta đã tốt nghiệp trường quân sự cấp cao ra vậy!

Tuấn phân tích phương án kỹ càng nhất là về thời gian thi công ngắn, cậu ta hy vọng thuyết phục được tôi, hoặc ít ra cũng tranh thủ được đồng chí chính trị viên, rồi lấy đa số biểu quyết trong chi ủy đề được tôi phải nhượng bộ. Nhưng rất buồn cho Tuấn, đồng chí chính trị viên của tôi không hiểu một tý gì về kỹ thuật cả. Anh cũng không phải từ chiến sĩ công binh trưởng thành lên. Anh vốn là nhân viên thống kê ở ban cán bộ phòng chính trị của binh trạm, trong đợt vận động cán bộ cơ quan hạ phóng, anh từ cấp trung sĩ được bổ nhiệm xuống làm chính trị viên của đại đội tôi. Anh nhanh chóng hòa mình được với chiến sĩ, bằng những buổi lao động với anh em, bằng những buổi nói chuyện thời sự, lên lớp chính trị. Tuy nhiên, khi bàn bạc đến vấn đề kỹ thuật—mà nghề nghiệp công binh thì có cái gì không phải là kỹ thuật—thì anh giữ được thái độ lãnh đạo, nghĩa là anh nghe ý kiến quần chúng xem họ ngã về bên nào đông hơn thì anh theo họ. Theo anh, đó là bước

đi đúng đắn nhất. Còn hỏi riêng chính kiến anh, anh không phát biểu, chỉ cười xuề xòa, một cái cười dễ mến: «Hề hề, đây là việc của các nhà kỹ thuật, tớ thì biết gì mà tham gia. Ờ hề!». Câu nói của anh như muốn nhắc nhở người nghe nhớ đến cái trách nhiệm lãnh đạo của anh chứ không phải trách nhiệm chỉ huy của cán bộ quân sự.

Và trong cuộc họp chi ủy hôm nay, Tuấn không tranh thủ được ý kiến của đồng chí bí thư. Giữa hai phương án của Tuấn và tôi, đồng chí bí thư đành phải giữ trung hòa, và đề nghị đưa ra hội nghị cán bộ đề thảo luận.

Trong cuộc họp cán bộ, phương án của Tuấn tất nhiên sẽ được nhiều ý kiến ủng hộ hơn, điều đó tôi cũng đã lường được trước. Tuy nhiên, đây không phải là cuộc họp chi bộ đề biểu quyết, mà chi bộ cũng không biểu quyết những vấn đề kỹ thuật cụ thể này. Bởi vậy, cuộc họp cán bộ chỉ có tính chất lấy ý kiến tham khảo về phương án của Tuấn, cũng không kết luận gì, mà đề dành lại cho quyền quyết định của thủ trưởng quân chính. Do đó trong hội nghị này tôi cũng không trình bày lại phương án cũ của tôi nữa. Tôi chỉ phát biểu ý kiến cuối cùng:

— Rất hoan nghênh các đồng chí đã tham gia thảo luận, nhưng đây cũng mới chỉ là một phương án, chúng ta còn tiếp tục nghiên cứu thêm đề đi đến một phương án tối ưu hơn. Trong quá trình nghiên cứu, tôi lưu ý các đồng chí một ý kiến là: việc phá đi làm lại thì không có gì khó khăn lắm, việc cải tạo, sửa chữa nó trở lại thành một chiếc cầu như cũ mới là khó. Đó mới là một công trình kỹ thuật phức tạp. Liệu chúng ta có ngại khó khăn không? Truyền thống của đơn vị chúng ta không bao giờ chùn bước...!

Sau hội nghị cũng có nhiều ý kiến bàn tán xì xào ám chỉ tôi, mà cô chủ nhà tình cờ nghe thấy kể lại với tôi. Nào là: «Đại đội này không có truyền thống bảo thủ». Nào là: «Đành rằng việc chữa cầu là khó hơn làm mới, nhưng cái cầu này có đáng phải tập trung nhân vật lực vào đây để bảo tồn nó không? Nếu tất cả mọi người đều muốn giữ lại những công trình của mình thì, xã hội này làm sao có những công trình tiến bộ được?». Nào là: «Cái gì đã lỗi thời rồi thì phải bỏ nó đi, xây dựng cái mới phù hợp hơn, tiến bộ hơn. Phải có gan dứt bỏ cái cũ lạc hậu đi mới được!».

Riêng Tuấn thì cậu ta chỉ nói: «Nếu sửa chữa cầu cũ thì không thể kịp thời gian. Mà nếu có sửa được kịp thì cũng không thể bảo đảm trọng tải và lưu lượng theo yêu cầu nhiệm vụ chiến dịch mùa khô sắp tới được».

Cũng có cậu nói một câu làm đau nhói lòng tôi: «Ông ấy cứ muốn giữ mãi cái cầu lạc hậu này, cũng như không dứt bỏ nỗi cô vợ hư hỏng của ông ta đâu!».

Cô giáo Thuận kể lại cho tôi nghe, hình như có dụng ý cũng muốn khuyên tôi nghe theo Tuấn và ý kiến anh em. Linh tính có điều gì, cô muốn lo lắng cho tôi. Cô dè dặt hỏi:

— Vậy ý anh định thế nào?

Một cái gì đó chen lấy họng tôi, một sự tự ái hay thói độc đoán chen lẫn trong tôi, tôi nói về gắt gồng và cộc lốc:

— Dầu sao thì chiếc cầu vẫn phải được sửa chữa!

— Anh đến kỳ lạ! — Cô giáo đứng dậy lặng lẽ bỏ đi.

Lá thư vĩnh biệt

Gửi anh Hải,

Tôi tưởng lấy anh sẽ được hạnh phúc, nên tôi đã gắng chịu đựng thời gian ở công trường để được lòng anh, vì anh. Sau đó hy vọng anh và tôi sẽ được trở về Hà Nội hoặc ít ra cũng về gần Hà Nội. Không ngờ anh lại đi bộ đội, bỏ tôi ở lại chốn « khi ho cò gáy » với những công việc khổ sai như bị tù đày ấy.

Tôi sinh ra không phải để đi và làm việc như vậy, nên tôi buộc phải bỏ về Hà Nội. Từ đó đến nay tôi vẫn sống đàng hoàng. Anh không phải lo cho tôi, cũng đừng biên thư cho tôi nữa. Tôi không còn ở chỗ cũ nữa đâu. Tình nghĩa giữa anh và tôi không còn gì để nói. Tôi không xứng đáng là « người yêu lý tưởng », là « đồng chí » của anh được. Anh hãy tìm lại ở một người khác — lý tưởng của anh.

Tôi hiện nay sống khá đầy đủ và « rất hạnh phúc » ở Hà Nội. Và chỉ ở Hà Nội mà thôi. Chỉ ăn hạn một điều: Một tý nữa thì chôn vùi hết tuổi xuân, có khi chết mất xác ở chiến trường lý tưởng của anh.

Đây là lá thư cuối cùng của tôi.

Vĩnh biệt anh,

THỰC

Những hình ảnh trước ngày đi bộ đội lại dấy lại trong tôi.

Sau ngày hoàn thành công trường, hay nói đúng hơn là sau ngày cưới nhau ít lâu, chúng tôi được nghỉ ghép gần một tháng về quê tôi ở gần Hà Đông và quê Thực ở nội thành Hà Nội. Có thể nói là, hai gia đình nội, ngoại đều rất hài lòng về chúng tôi, con dâu cũng như con rề. Duy chỉ có mẹ tôi hơi phàn nàn về tính đồng danh của nàng dâu một chút

thời, nhưng không sao. Thục lấy được lòng mẹ tôi rất nhanh. Những ngày phép ở Hà Đông hay ở Hà Nội có thể nói chúng tôi đã sống tại nguyên. Đó là những ngày hạnh phúc nhất đời tôi.

Trong thời gian ở Hà Nội, theo nguyện vọng của Thục, tôi cũng đã tìm cách chạy thầy chạy thợ, để tạo điều kiện cho cả tôi và Thục đều được trở về Hà Nội công tác. Thục không muốn xa Hà Nội. Một cuộc sống ở núi rừng hay lang thang này đây mai đó không phù hợp với một phụ nữ đã có chồng. Rồi đây sẽ có con cái... Lập luận đó của Thục đã thuyết phục được tôi. Còn tôi, với một công trình đầu tay của mình, một cái bằng thực tiễn của mình, tôi có thể về công tác ở một phòng kỹ thuật nào đó, hoặc giảng dạy ở nhà trường được rồi chứ, tôi muốn vươn lên bằng con đường học tập nữa! Muốn vậy, phải ở Hà Nội.

Tôi tìm đến thầy học cũ của tôi, và nguyện vọng của tôi được thầy ủng hộ. Cũng phải nói, trước đây tôi là một trong những sinh viên khá của thầy. Cho đến những ngày cuối của kỳ nghỉ phép, tôi đã nhận được giấy báo gọi về trường làm công tác giảng dạy, riêng Thục thì chưa được, vì thời gian đi thực tiễn còn quá ít nên chưa đâu muốn nhận. Chúng tôi bàn nhau sau khi trả phép tôi sẽ về Hà Nội, còn Thục vẫn cứ theo đội cầu một thời gian, chờ tôi sẽ vận động xin cho Thục sau. Tôi tin rằng nếu tôi về trường thì chỉ cần vài tháng sau tôi có thể tìm cách xin cho Thục về Hà Nội, vì Thục sẵn sàng bỏ nghề kỹ thuật, làm nghề gì cũng được, miễn là ở Hà Nội. Tôi cũng đồng ý quan điểm của Thục: «Việc gì cũng là vinh quang» cơ mà!

Nhưng đến ngày tôi trả phép, một tình huống éo le xảy đến. Chiến tranh phá hoại xảy ra ở miền Bắc. Trước Tờ quốc lâm nguy, cấm thủ bọn giặc Mỹ

xâm lược, tuổi trẻ phải lên đường chiến đấu. Đó là nguyện vọng và nghĩa vụ thiêng liêng của thanh niên. Đó cũng là nguyện vọng của tôi. Tôi liền ghi tên xung phong nhập ngũ. Ngay hôm đó Thục đã khóc suốt một đêm, không muốn cho tôi đi. Tôi giải thích thế nào Thục cũng không nghe. Anh chị em đồng chí, bạn bè trong đội phải vận động mãi Thục mới tạm yên, để tôi đi. Tôi đã nhờ các đồng chí ở lại trông nom, giúp đỡ Thục.

Buổi lên đường của tôi, Thục chỉ nằm lý ở nhà, không ra tiễn chân. Tôi ra đi mà lòng nặng trĩu.

Rồi những tháng ngày luyện tập trên thao trường tôi cũng nguôi đi. Có thể nói, thời gian đầu không tuần nào tôi không biên thư về động viên an ủi Thục. Ít ngày sau, Thục biên thư báo cho tôi một tin mừng «Thục có mang» và do đó Thục đã xin phép về Hà Nội nghỉ ít ngày. Các anh ở đội cầu cũng báo là Thục cứ nằng nặc đòi về, nên cũng phải chiều cho về ít ngày cho người chuyện tôi ra đi. Tôi được tin mừng nên rất phấn khởi, hy vọng và chờ đợi một đứa con của tôi, cũng như trước đây tôi đã hằng ấp ủ một công trình đầu tay của tôi vậy.

Chính vì thế, nên sau này khi được tin Thục đã bỏ đội cầu không vào nữa, mặc dầu đội cầu đã cho người ra gọi mấy lần cũng không vào. Lúc đầu tôi cũng giận, sau nghĩ lại cũng thấy thương, cũng lo Thục vào đấy, e không chịu đựng nổi, sẽ ảnh hưởng đến đứa con sau này. Một lần nữa tôi lại tha thứ cho Thục, miễn sao Thục giữ được mẹ tròn con vuông. Sau này, — mà ở Hà Nội cũng đã phải chạy sơ tán rồi, — liệu Thục có về quê tôi ở Hà Đông không? Tôi biên thư về cho mẹ và em gái tôi phải đi lại chăm sóc Thục.

Cuối năm ấy, đơn vị tôi vào chiến trường. Tôi hằng hái tham gia chiến đấu với một niềm vui của

một người sắp được làm cha. Từ đó cũng không nhận được tin tức gì của Thục và gia đình nữa.

Mãi ba năm sau, khi tôi được trở về binh trạm 14, tôi mới lại có dịp biên thư về và nhận được tin tức của gia đình. Lá thư của cô em gái tôi đã làm tôi đau đớn. Sau khi về Hà Nội ít ngày, Thục xin vào làm ở một hợp tác xã thủ công đóng giày dép, rồi lại bỏ, chuyển sang một tờ quay mì sợi. Được vài tuần, cô ta chuyển về tờ đan len. Nhưng không đủ tiền tiêu, cô ta lại xoay sang đi phe hàng xách ở Chợ Giời. Rồi lại buôn chung một cửa hàng phụ tùng xe đạp với một tay lái buôn sành sỏi. Cũng thời gian đó, cô ta báo tin cho gia đình biết là cô ta đã bị sảy thai với lý do là, khi báo động chạy máy bay bị ngã, cô ta phải cấp cứu vào bệnh viện. Bà mẹ dè dặt thăm cứ tiếc mãi cái thai, một hình hài đứa con trai năm tháng. Nhưng khi nghe bác sĩ cho biết là cái thai đã bị uống thuốc tống ra, chứ không phải do ngã, thì bà bỏ về thẳng. Đến khi cô ta ở bệnh viện về thì bà chửi và tống cô đi:

— Nhà tao không chứa loại người thất đức ấy!

Cô ta đến ở hẳn với tay lái buôn phụ tùng xe đạp. Ít lâu sau, lại thấy đi với một tay lái buôn thuốc tây khác, giàu hơn.

Rồi lá thư của thằng bạn tôi ở Hà Nội cũng xác minh điều đó và khuyên tôi đừng nghĩ đến cô ta nữa.

Nhân một dịp có xe của đơn vị ra, tôi xin phép theo xe đi lấy hàng, về Hà Nội tìm gặp cô ta, hy vọng kéo cô ta ra khỏi đồng bùn lầy như nhớp. Tôi sẽ sẵn sàng tha thứ nếu cô biết trở lại con đường làm ăn chân chính. Tôi tin rằng tôi sẽ cải tạo được cô ta, như thời gian đầu vào công trường tôi đã chẳng cải tạo được cô ta một lần rồi đấy sao? Tôi tìm đến nhà bà mẹ vợ, rồi lần tìm mãi, mấy ngày

vẫn không gặp được, cô ta lảng tránh tôi. Mãi đến hôm xe phải quay vào, tôi mới đón gặp được cô ta. Nhưng tôi đã làm, thái độ cô ta khác hẳn, như một người xa lạ. Tôi vẫn kiên trì, nhẹ nhàng thuyết phục nhưng vẫn không chuyển. Cô ta còn nói những điều thất đức:

— Cũng may tôi không đẻ, giá đẻ ra thì con anh cũng chết đói rồi! Thôi đi anh, cái lý tưởng của anh, và ngay cả cái lương trung úy của anh bây giờ có đủ nuôi tôi ăn quà sáng không? Thôi, tôi không còn chuyện gì nói với anh nữa, anh đi đi!...

Rồi cô ta vung văng bỏ đi, để lại một mình tôi vừa đau vừa giận.

Trở về đơn vị, tôi lại vẫn kiên trì biên thư khuyên nhủ cô ta. Và lá thư cuối cùng cô ta đã biên cho tôi cách đây ít lâu, như vậy đây.

Tôi buồn rầu vì mất mát hạnh phúc quá lớn. Đó là mối tình đầu của tôi. Tôi xấu hổ vì mang tiếng là «bị vợ chửi», «bị vợ bỏ». Tôi cay đắng vì câu: «Cậu ấy tài ba như vậy mà không cái tạo nổi cô vợ». Hay tệ hơn là: «Chung quy cũng chỉ tại cậu ta nên nó mới hư hỏng. Chả là trước đây cậu ta chiều nó lắm cơ mà, không chịu giáo dục ngay từ đầu». Và mọi thứ đều tiếng hay dở, xấu tốt đều có cả...

Nhiều người khuyên tôi bỏ con vợ lẳng loạn hư hỏng ấy đi, nhưng tôi cứ chần trừ mãi. Những hình ảnh hạnh phúc ban đầu không dễ gì xóa nhòa trong tôi được. Dĩ nhiên tôi cũng không nghĩ rằng, tôi có thể nối lại hạnh phúc với cô ta, nhưng tôi cứ băn khoăn, bằng cách nào đây kéo cô ta ra khỏi vũng bùn lầy sa đọa ấy. Và tôi cũng nghĩ rằng, sự mất mát cay đắng này sẽ làm cho trái tim tôi chai cứng lại, tôi không thể nào có thể rung động với

một mối tình nào khác nữa, và đàn bà con gái đối với tôi sẽ có thể là mối đố kỵ sâu sắc lâu dài.

Tôi lại tiếp tục biên thư, chờ đợi và hy vọng.

Tai họa

Nghe rục rịch tình hình bọn giặc Mỹ có lẽ sắp buộc phải tuyên bố ngừng bắn ở miền Bắc. Tôi tranh thủ thời cơ tập trung lực lượng sửa chữa cầu. Thời buổi này, tranh thủ được ngày nào sớm ngày ấy. Trước đó, tôi đã bàn với cậu Tuấn, đề tranh thủ cậu ta làm một cách tự giác hơn. Tôi bảo:

— Thôi được, tớ đồng ý phương án của cậu, mà trước đây anh em ở đây cũng đã nêu ra rồi. Nhưng bây giờ, trước hết cậu giúp mình chữa thử theo phương án cũ xem sao đã. Nếu khó khăn quá mà không được thì ta lại làm theo phương án mới chứ lo gì? Hơn nữa, phương án mới này cũng còn phải chờ trên binh trạm duyệt nữa. Trong khi chờ đợi, ta cứ theo kế hoạch đó mà làm, có gì sai đâu?

Cậu Tuấn tất nhiên cũng phải đồng ý với tôi, nhưng cậu ta đề nghị cho thử từng nhịp một đã. Tôi đồng ý với cậu ta. Chúng tôi chọn chữa một nhịp bờ bắc trước, tương đối đơn giản hơn.

Tôi lại lao ra hiện trường, lăn lộn suốt ngày đêm cho quên đi nỗi buồn day dứt và cho nhịp cầu của tôi được mau chóng trở lại nguyên lành, kịp với thời gian theo yêu cầu nhiệm vụ.

Anh em trong đơn vị cũng đều hăng hái làm việc quên mình. Đồng chí chính trị viên cũng luôn luôn cùng tôi ở hiện trường.

Chúng tôi đã phải tung nhịp cầu **phao ở bến phụ** ra để bảo đảm giao thông, dành riêng cho cầu tháo

ra sửa chữa, không ảnh hưởng gì đến việc thông xe trên tuyến.

Mãi một tuần lễ sau, chúng tôi mới sửa được nhịp cầu bờ bắc, nhưng đó vẫn là những bước sửa tạm mà thôi, đề bảo đảm có thể thông được xe chắc chắn hơn, chứ chưa thể làm hoàn chỉnh đề đồ vá bê-tông nguyên khối được. Tức là chúng tôi chỉ dùng những thanh sắt to, hàn chắp làm dầm đỡ rồi lát tấm bê-tông đã được đúc sẵn lên, có thể bảo đảm cho xe đi nhưng không thể bền vững lâu dài được. Vì tính toán lại thấy chậm quá, có thể không kịp, nên tôi cũng phải đồng ý với cậu Tuấn hạ thấp yêu cầu xuống như vậy.

Khi bước vào sửa nhịp cầu thứ hai, phức tạp hơn, đã có nhiều tiếng phàn nàn:

— Cứ cái đà này thì ba tháng nữa chưa chắc đã sửa xong!

— Mà có xong thì cầu hỏng vẫn là cầu hỏng, trông nó có ra hòn girdau. Lại còn phải sửa vài ba lần nữa!

Tôi liền đến chỗ mấy cậu vừa nói, quát tướng lên:

— Chừa làm đã bàn dòn, thôi đi làm đi!

Nói xong, tôi bực tức chạy lại giật lấy mỏ hàn trên tay một chiến sĩ, rồi cặm cụi cắt những thanh sắt bị cong queo ở mảng bê-tông bị rạn nứt. Vì mãi cắt nên cũng không đề ý đến một thanh dầm sắt chữ I đang đè lên mảng bê-tông, làm mảng bê-tông từ từ gãy xuống. Một tiếng thét giật bắn lên:

— Đại đội trưởng, vào ngay!

Một chiến sĩ vội chạy lại và ôm lấy tôi kéo vào lòng cầu. Nhưng không kịp nữa rồi, mảng bê-tông bị gãy sập, rơi xuống sông, kéo theo cả hai chúng tôi cũng rơi xuống. Tôi chỉ còn kịp nhìn thấy những cây sắt cong queo ngồn ngàng ở dưới tua tủa như

một bàn chông, nước sông réo chảy, một tiếng hét thất thanh ở trên mặt cầu, một sự dồ vỡ ở đầu dây, có ai đó như ôm lấy tôi rồi lại buông ra, rồi như rơi trong khoảng không, một cái gì đó đập vào đầu tôi, tôi ngất đi không còn biết gì nữa...

Bàng hoàng

Tôi tỉnh dậy trong một trạm quân y binh trạm, đầu tôi quấn đầy băng, tôi cố ngàng đầu lên nhìn, nhưng không sao cất đầu lên được, tôi lại ngất đi.

Một lát sau, trong cơn mê mê tỉnh tỉnh, tôi chợt mở mắt và, tôi nhìn thấy một bộ mặt quen thuộc mờ mờ ảo ảo, có đôi mắt như nhìn sâu xoáy vào tôi, một mái tóc mềm mại như lướt vào má tôi, một hơi thở ấm ấm phả nhẹ lên mặt tôi. Rồi những tiếng lao xao quanh tôi, tôi lại thiếp đi.

Mãi mấy ngày sau tôi mới tỉnh hẳn. Tôi chỉ còn thấy đau đầu. Tôi nhồm ngời dậy, sờ chân tay, mình mảy còn nguyên vẹn cả, tôi trút một tiếng thở dài, và mừng thầm.

Một cô hộ lý chạy đến săn sóc tôi và kể cho tôi nghe. Thì ra tôi được đưa vào đây cấp cứu đã sáu ngày hôm nay. Phải mất ba ngày tôi mê man bất tỉnh, ba ngày nửa tỉnh nửa mê. Tôi bị thương vào đầu, vết thương làm chấn thương sọ não. Hình như một, hai thanh sắt đập vào đầu làm bị rách hai, ba miếng da, các bác sĩ đã mổ và khâu vết thương lại. Sau đó, cô ta như an ủi tôi:

— Anh cứ yên trí, cũng may mà không bị vết nào ở mặt.

Rồi cô kể lại, ngày nào cũng có người ở đơn vị đến thăm tôi. Tôi bảo cô ta tả người xem những ai?

Cô ta nói nhiều lắm không nhớ hết, nhưng có mấy người hay đến luôn. Theo cô ta tả thì tôi đoán là đồng chí chính trị viên, Tuấn, đồng chí liên lạc và mấy anh em cơ quan. Lại có cả các cụ già ở dân bản nữa.

— Có một chị ngày nào cũng đến. Có phải là vợ anh đấy không? Cả cháu gái nữa. Con bé nó thương bố cứ khóc hoài thôi!

Cô hộ lý nhìn tôi, dò hỏi. Tôi lắc đầu tỏ vẻ không phải và bảo cho cô ta đấy là cô giáo, chủ nhà tôi ở nhờ đấy.

— Ôi, chị ấy tốt quá nhỉ? Hôm nào chị ấy cũng lên săn sóc anh, ngồi với anh hàng giờ liền. Chị ấy lo lắng lắm, chỉ sợ anh chết thôi. Bây giờ chị ấy lại sắp lên rồi đấy! Cô gái cứ huyền thiên nói chuyện làm cho tôi vui.

Mãi đến chiều đồng chí chính trị viên lên, mới kể lại cho tôi nghe được đầu đuôi sự việc tai nạn đã xảy ra đối với tôi.

Khi phát hiện mảng bê-tông sắp rơi, thì đồng chí Sơn — chiến sĩ thợ hàn — trông thấy vội chạy lại định ôm lấy tôi kéo vào trong cầu, nhưng không kịp. Cả tôi và Sơn cùng rơi. Sơn vẫn ôm chặt lấy tôi vì cậu ấy có dây bảo hiểm nên sau khi rơi chỉ bị treo lơ lửng trên không. Cậu ấy cố giữ lấy tôi, nhưng không nổi. Tôi bị tuột khỏi tay Sơn, rơi xuống sông, đập đầu vào một đồng sắt tròn nằm ngang. Cũng may không có thanh sắt nào chọc vào người. Sau đó tôi bị nước cuốn trôi đi. Rất nhiều người lao xuống mới vớt được tôi, một tý nữa bị cuốn xuống thác Chia Ly thì không tài nào cứu được. Sau khi vớt lên liền cho xe đưa tôi đi cấp cứu ngay. Cậu Sơn cũng bị choáng, ốm mất mấy ngày, đã khỏi và đã đi làm được rồi.

Tôi hỏi về tình hình công việc, đồng chí chính trị viên nói:

— Anh cứ yên tâm, mọi việc đã có chúng tôi lo. Cậu Tuấn thay anh làm ăn tháo vát lắm!

Điều đó thì lẽ dĩ nhiên rồi. Tôi đã thích tác phong của cậu ta từ những ngày đầu. Sau đó chính trị viên kể tiếp cho tôi biết: Sau ngày tôi bị thương, tức là trước lúc tuyên bố ngừng bắn, bọn Mỹ lại đến bắn phá một trận cuối cùng cũng đã căng thẳng. Nhưng quân ta vẫn giữ được cầu, chỉ bị thêm một quả rốc-két vào nhịp cầu bờ bắc mới chữa xong. Sau đó có một đoàn cán bộ kỹ thuật của trên xuống kiểm tra và quyết định cho phá cầu cũ, sửa chữa trụ, mố và làm lại mặt cầu bê-tông mới. Toàn bộ xe tạm thời đi bằng cầu phao.

— Thế đã phá xong cầu cũ chưa? — Tôi sốt ruột hỏi.

— Yên trí, đã phá xong rồi! Chỉ sau có một ngày là quân ta đã phá xong hết. Cậu Tuấn đã cho lao các nhịp cầu sắt UIKM để làm cầu thi công đổ ván khuôn đổ bê-tông rồi.

— Thế ván khuôn, cốt sắt đã triển khai chưa?

— Triển khai rồi. Kế hoạch của cậu Tuấn đề ra phần đầu toàn bộ trong hai tháng xong bằng phương pháp đổ bê-tông tại chỗ. Anh thấy liệu có xong được không? Tôi cũng lo. Có phiếu lưu quá không? Chính trị viên băn khoăn.

— Kề cũng mạo hiểm đấy, nhưng tôi tin cậu ta. Anh cố gắng động viên đơn vị.

— Việc đó anh khỏi phải lo. Từ hôm được thực hiện phương án làm lại cầu mới đến nay, anh em hăng hái phần khởi lắm. Lại có cả bà con dân bản ra ủng hộ nữa: sàng cát, rửa đá, đào đất... Vui vẻ lắm! Công trường rất nhộn nhịp.

Ngày hôm sau, Tuấn nhờ cô giáo Thuận cầm bản thiết kế mặt cầu mới lên cho tôi xem và đề nghị tôi cho ý kiến. Về bản vẽ mặt cầu này, lần trước nhiều anh em đã phát biểu:

— Mặt cầu cũ đáng cở quá. Chúng ta phải xây dựng lại mặt cầu mới có đáng đẹp đẽ hơn, phù hợp với thời đại hơn.

Sau khi xem lại xong bản vẽ, tôi nói với Thuận.

— Toàn bộ chiếc cầu cũ đã phá đi rồi thì còn luyến tiếc gì mặt cầu cũ mà không thay? — Nói xong tôi ký luôn vào một góc bản vẽ dành cho kỹ sư trưởng.

Thuận nhìn tôi lắc đầu:

— Có phải là phá hết cả đâu. Cái gì tốt thì vẫn còn lại, cái gì xấu mới phải phá đi. Đấy, anh em họ vẫn bắc cầu trên trụ mố cũ của anh làm trước đây đấy chứ? Có phải phá bỏ toàn bộ đâu?

Tôi bỗng thấy cảm động, bàng hoàng, khẽ nói:

— Liệu trên những cái trụ mố cũ đã bị rạn nứt ấy, có thể xây dựng lại được một cái cầu mới đẹp và bền vững không?

Thuận khẽ gật đầu, rồi ngàng lên nhìn tôi với đôi mắt trong sáng lạ kỳ. Giọng Thuận bỗng ngập ngừng:

— Sao lại không có thể xây dựng được?... Nếu biết hàn gắn lại... Nếu biết!

Chúng tôi nhìn nhau một lúc lâu. Thuận từ từ ngả đầu về phía tôi. Tôi khẽ đưa tay kéo Thuận ngồi gần lại. Một làn gió nhẹ nhàng lướt qua, mơn man, bao trùm lấy chúng tôi.

ĐƯỜNG QUA BÃI MÌN

Bạn cùng trường

Sau ba năm học tập ở trường sĩ quan công binh, cùng sống trong một tiểu đội, may mắn sao, ba đứa chúng tôi lại được điều về cùng một sư đoàn. Với tấm bằng tốt nghiệp và cấp hàm thiếu úy, chúng tôi có bao nhiêu ước mơ, về cuộc sống, về sự nghiệp của những sĩ quan trẻ tuổi. Trong buổi liên hoan chia tay của tiểu đội, chúng tôi tâm sự với nhau suốt đêm. Chúng tôi như những con chim non được tung cánh, muốn bay cao, bay xa; ai cũng muốn được xuống đơn vị, ai cũng muốn được ra chiến trường. Hầu hết đều tình nguyện vào biên giới Tây Nam chiến đấu. Khí thế muốn được lập công ngay bưng bưng trong tâm hồn lớp trẻ chúng tôi. Vậy mà ba chúng tôi gồm: Khái, Xóa và tôi lại được điều về một sư đoàn ở đồng bằng miền Bắc, một hậu phương vững chắc. Nỗi thất vọng không được đi chiến trường đã làm chúng tôi hụt hẫng. Lại thêm một vài người bàn tán, lời ra tiếng vào, nào là: «Về đồng bằng thì tha hồ mà đi cấy!», Nào là: «Lại làm bạn với voi vữa thôi! Sách vở hãy gói kín lại cất đi»...

Chả là đạo đó, bộ đội ta đang sôi nổi làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Nhất là bộ đội ở đồng bằng. Đài, báo chí nặng đưa tin tức về kinh tế thời, ít nói

đến huấn luyện chiến đấu. Và lại chúng tôi ở lứa tuổi háo hức ra chiến trường thì cho thế là không thích, chứ nhiệm vụ xây dựng kinh tế vẫn là một nhiệm vụ chiến lược cơ mà.

Khi về đến sư đoàn, tôi lại bị một thất vọng nữa. Sau một tuần lễ chờ đợi, nghiên cứu lý lịch, cơ quan cán bộ đưa quyết định điều cậu Khải xuống phụ trách đại đội phó ở đại đội 1 tiểu đoàn 15 công binh trực thuộc sư; cậu Xòà thì được xuống phụ trách đại đội phó của đại đội 19 công binh trung đoàn 5. Riêng tôi lại điều về làm trợ lý ban công binh sư. Hôm dọn tôi về, đồng chí Càng, đại úy trưởng ban công binh động viên tôi:

— Tớ biết, cánh trẻ các cậu thích xuống đơn vị chiến đấu hơn, nhưng ở đây đang thiếu một trợ lý bom mìn. Nghe nói cậu đã có kinh nghiệm tháo gỡ bom mìn hồi đánh Mỹ?

— Dạ, tôi cũng có được làm ít nhiều, nhưng chưa có kinh nghiệm mấy đâu ạ — Tôi miễn cưỡng trả lời.

— Thế là tốt rồi! Ở trường cậu học môn này cũng được diềm giỏi cơ mà!

— Dạ vâng! — Tôi trả lời và định nói thêm là. Về môn học quản lý và chỉ huy bộ đội, tôi còn được nhiều diềm giỏi hơn. Nhưng sao tôi lại thôi.

Rồi thấm thoát gần một năm trôi qua. Cái chức vụ trợ lý huấn luyện bom mìn của tôi hầu như không mấy khi được nhắc đến. Thịnh thoảng có một, hai lớp tập huấn cán bộ của sư đoàn, tôi cũng được chuẩn bị học cụ và bài giảng cho đồng chí trưởng ban. Mà phần nhiều chỉ được bày tranh vẽ và vật thực ra đấy, ai xem thì xem. Đạo này, thậm chí trong cả lớp tập huấn thường kỳ hàng năm về kỹ chiến thuật, người ta cũng chỉ say sưa bàn về những biểu đồ lối lối nhiều hơn là về kỹ thuật, chiến thuật.

Và chúng tôi, những trợ lý công binh, tất nhiên cũng được sử dụng hết vốn kỹ thuật của mình trong những nhiệm vụ xây dựng kinh tế: khảo sát một tuyến đường lâm nghiệp mới, thiết kế một con mương tưới tiêu, thi công một đập làm hồ chứa nước thủy lợi, xây dựng một lò gạch ngói, một chuồng trại chăn nuôi v.v. Kề ra làm những việc đó cũng nhiều lý thú, không những được sử dụng kỹ thuật mà còn nâng cao được tay nghề nữa. Chẳng thế mà thằng Khái, từ chỗ chả biết gì về vôi vữa cả, hơn một năm qua đã trở thành một tay thợ xây ra dáng. Nghe nói, nó rất được lòng tiều đoàn trưởng Trúc. Tiều đoàn 15 đi làm thuê, đã xây dựng được một số công trình nhỏ, như trại chăn nuôi xã Đại Đồng, khu nhà ở của trại mấm Vạn Thượng v.v. với phương châm: «Đánh nhỏ, ăn chắc, miễn là có lãi, bộ đội được cái thiện, và bớt xén được ít vật tư thừa để củng cố doanh trại». Phương châm đó của tiều đoàn trưởng Trúc được Khái thực hiện rất đúng và linh hoạt, chẳng thế mà nó vừa được đề bạt phụ trách đại đội trưởng rồi đấy.

Một hôm Khái nói với tôi:

— Phải thực hiện đúng ý định của tiều đoàn trưởng nghe không? — Nói rồi, nó nháy nháy mắt và cười một cách chế giễu. Sau đó nó lại nói thêm: — Chà, làm kinh tế cũng thoải mái, chẳng phải huấn luyện, chẳng gò bó gì hết, cứ cho lính «búp» hăng vào là lính làm khỏe, miễn là có lãi. Có lãi là tốt hết!

Trước lý lẽ của Khái tôi biết nói gì, nói sao được. Nhưng có một cái gì đó cứ áy náy trong lòng tôi mãi. Nếu như được lệnh đi chiến đấu, nó sẽ làm ăn ra sao đây?

Còn số phận thằng Xòa thì ngược lại. Quả là nó cứ xuề xòa như cái tên của nó. Đến cả trong công việc cũng vậy, thế nào xong thôi. Lệnh trên bảo sao

thì làm thế, chẳng kêu ca phàn nàn, cũng chẳng ý kiến phải trái ra sao cả. Có khi nó không bằng lòng đấy, nhưng cũng cứ hùng hục làm đã, « xong rồi hãy hay ». Nhưng đến khi xong nó lại bảo: « Ừ dào, xong rồi, nói làm gì! ».

Cứ thế, đại đội công binh của nó được sử dụng chẳng khác gì một đại đội công sai cần vụ của trung đoàn 5. Lúc đi làm sân bóng, làm bè bơi, xây hồ tiêu hồ xí; lúc lợp hội trường, vận chuyển kho, rồi đắp đê đắp đập, đào mương, làm sân phơi, làm chuồng trại cho đội sản xuất nông trường v.v.

Nó bảo tôi:

Việc gì chẳng là phục vụ, cậu cho rằng những việc đó không đáng làm à? Mình chẳng làm thì người khác cũng phải làm. Còn huấn luyện ư? Mình cũng có làm kế hoạch huấn luyện một ít đấy, nhưng rồi cứ bù đầu, hết việc này đến việc khác. Các thủ trưởng trung đoàn cứ động viên hoãn mãi, rồi đến thôi. Chà, đã có trên lo. Khi nào cần chắc trên phải cho quan tậ thành chứ, không tậ thành thì đánh đấm làm ăn thế nào được.

— Tớ chỉ sợ đến khi cần, cậu lại quên mất bài bản hết rồi — Tôi nói.

— Thì tớ lại nhờ trên sư đoàn, các cậu xuống huấn luyện giúp chứ sao?

Tôi còn biết trả lời nó thế nào nữa.

Cô sinh viên tóc dài

Đó là một kỷ niệm trong những năm còn học ở trường Sĩ quan. Năm đó chúng tôi được đi thực tập giảng bài cho các khối sinh viên ở các trường đại học, học quân sự theo chương trình huấn luyện sĩ quan dự bị.

Nhóm chúng tôi được cử về huấn luyện cho một khối ở trường đại học giao thông, mà ở đó người ta tổ chức thành những phân đội học viên sĩ quan dự bị công binh. Tôi phụ trách chuyên khoa về bom mìn, thăng Khái về cầu đường và thăng Xòa về môn công sự. Thời gian chỉ có một tháng huấn luyện. Tuy ngắn ngủi nhưng cũng đã tạo nên thời cơ cho tôi quen biết Minh — cô sinh viên tóc dài ấy. Rồi năm tháng trôi qua, từ quen biết đến tình bạn, từ tình bạn chúng tôi yêu nhau lúc nào không biết.

Số là trong đợt huấn luyện năm ấy, lúc đầu tôi nghĩ rằng, các sinh viên này, chẳng qua họ học đề mà học thôi, chứ họ thiết gì đi sâu vào cái môn quân sự này. Đối với họ, phải là những bản vẽ thiết kế kỹ thuật, những con số kế hoạch, những phương án thi công này nọ..., Những cái đó nó mới thiết thực với mảnh bảng tốt nghiệp, mới liên quan tới cuộc sống của họ. Còn quân sự, chẳng qua vì chương trình bắt buộc nên họ phải học mà thôi. Do đó trong ý thức, tôi cũng chuẩn bị bài giảng đại khái. Và lại, họ đều là kỹ sư sắp ra trường, nên chỉ cần nói qua, họ cũng nhận thức được. Nghĩ thế nên trong khi lên lớp ở giảng đường hay thao trường, tôi cũng đều nói nhanh, làm nhanh, có chỗ chỉ lướt qua.

Song tôi đã lầm. Trong số anh chị em sinh viên, có một số như tôi nghĩ thật, còn đa số họ học tập chăm chỉ, học thật sự. Họ tìm hiểu đến nơi đến chốn. Họ thắc mắc, họ hỏi đủ vánh đủ vẻ, đến nỗi tôi, vốn đã được anh em trong trường mệnh danh là «cây bom mìn» mà cũng có lúc phải lúng túng, đành phải xin khất lại, về nghiên cứu rồi trả lời vào buổi sau vậy.

Trong số những người ham thích môn học bom mìn, nổi lên là một cô gái. Một cô gái có mái tóc dài. Hôm đầu tiên ra thao trường, cô ta còn dề tóc

dài quá đầu gối, dáng điệu tha thướt. Tôi nóng mặt, phải thốt lên:

— Linh tráng mà thế này thì tập tành sao được!

Rồi tôi nhắc nhở, phê bình ngay trước hàng quân. Sau khi bị cán bộ chỉnh đốn, những hôm sau cô ta đã búi tóc gọn gàng hơn. Còn trong học tập thì cô ta lắng nghe, theo dõi và ghi chép khá đầy đủ. Trong thực hành tôi cũng không ngờ cô gái mảnh mai ấy lại chôn mìn rất khéo tay và nhanh nhẹn. Nhiều chàng trai khỏe mạnh, rắn rỏi đuối mướn mồ hôi không kịp.

Và cũng chính cô ta, đã làm tôi mấy lần đỏ mặt. Một hôm, trong giờ lên lớp lý thuyết, tôi giảng về nguyên lý nổ của một loại bom từ trường của Mỹ, và phương pháp làm mất hiệu lực của bom. Tôi dành thời gian đề học viên hỏi và tôi giải đáp thắc mắc. Cô ta hỏi:

— Báo cáo giáo viên, xin hỏi ạ!

— Vâng, đồng chí cứ hỏi — Tôi trả lời.

— Trường hợp pin thủy ngân bị sứt thủng, liệu ta có cách gì tăng cường, bổ sung hoặc thay thế nguồn pin, bằng pin von-ta hay ắc-quy được không?

— Đề làm gì cơ chứ? — Tôi hỏi vặn lại luôn, làm cô gái trả lời hơi lúng túng.

— Đề... đề... kéo dài thời gian chờ đợi của bom!

Cả lớp bỗng cười ò lên. Cô gái quay lại nhìn mọi người, ngơ ngác rồi bỗng đỏ cả mặt.

— À, người ta đang mong cho chóng triệt tiêu thời gian nguy hiểm, ai lại muốn kéo dài thời gian «chờ đợi» làm gì. Có đồng chí thích kéo dài thời gian «chờ đợi», nguy hiểm đấy!

Những tiếng xôn xao có tính chất đùa nghịch chế giễu cô gái. Tôi tưởng cô ta xấu hổ phải im.

Tôi cũng miễn cưỡng trả lời. Song cô ta lại đứng lên, giơ tay xin phát biểu tiếp và như dọa mọi người phải im đi cô ta nói :

— Là tôi muốn hỏi như thế này ạ! — Cô ta bỗng nói to lên để át tiếng xì xào — Đồng chí giáo viên mới chỉ giảng về cách khắc phục bom từ trường. Nhưng tôi lại muốn biết rằng, liệu ta có thể dùng ngay chính bom từ trường ấy để đánh địch được không? Có thể chôn bom đánh xe cơ giới địch, như du kích miền Nam đã chôn mìn bằng các bom đạn thông thường khác lấy được của địch không? Chỉ khác là trước đây ta chỉ dùng phương pháp điem hóa điện hoặc giạt dây. Nhưng nếu ta thu được bom từ trường của địch, thì liệu ta có thể dùng ngay biện pháp từ trường để tự động đánh địch được chứ?

Mọi người lúc này mới « à » lên một tiếng vỡ lẽ. Thì ra là như vậy. Ý kiến của cô ta làm tôi bỗng ngớ người ra. « Ủ nhì, tại sao mình chưa nghĩ đến vấn đề này. Thật là một ý kiến táo bạo » — Tôi nghĩ mãi chưa biết cách trả lời ra sao, vì tôi cũng chưa được nghiên cứu cách này. Tôi có thể trả lời bừa là pin hay ác-quy đều có thể thay thế được, nhưng còn cách đấu ra sao, kiểm tra tính toán điện áp, điện trở thế nào, rồi điem đặt nguồn pin ở đâu. Điều đó có thể nảy ra nhiều câu hỏi khác tiếp theo rắc rối lắm, tốt hơn hết là không trả lời.

— Ý kiến đồng chí...

— Đồng chí Minh đây ạ! — Tiếng một cô bạn ngồi cạnh cô ta mách lên.

— Vâng, ý kiến đồng chí Minh thật là một ý hay, rất táo bạo. Nhưng... di hơi xa bài học hôm nay, tôi xin khất trả lời vào một buổi khác — Nói xong, mặt tôi bỗng nóng bừng lên.

Mọi người lại cười ò, nhìn về phía cô gái và trêu:

— Ê, ý kiến ế rồi, ế rồi! — làm cô ta cũng lại đỏ mặt.

Mấy cô bạn lại càng trêu:

— Xin phép giáo viên cho trả lời riêng a!

Hôm ấy, sau buổi lên lớp, tôi về lao vào tìm đọc tài liệu và tìm hỏi các thầy giáo của tôi. Mãi một buổi chiều chủ nhật, tôi mới rủ bọn thằng Khái, thằng Xòà đi đến thăm Minh ở căn nhà của sinh viên nữ, với cố là trả lời riêng Minh.

Cũng mãi đến hôm nay tôi mới có dịp ngắm kỹ cô gái tóc dài này: thân hình cân đối, mảnh mai, mặt tròn, nước da mai mái đen. Cô có nụ cười rất duyên và đôi mắt đen có lúc nhìn xoáy vào tôi, làm tôi ngượng nghịu. Các cô gái tiếp chúng tôi niềm nở. Khái «tôn sùng» tôi nào là «vua bom mìn», nào là «dũng sĩ diệt Mỹ» v.v. làm tôi càng lúng túng. Nhưng rồi tất cả đều phải tập trung nghe tôi giảng giải về cách sử dụng bom từ trường để đánh địch một cách rất lưu loát.

Đến lúc về, thằng Xòà dấm tôi một cái:

— Đi chơi với cậu chán bỏ mẹ đi. Ai lại toàn mang chuyện bom mìn ra tán gái bao giờ cơ chứ! Thôi, lần sau thì tao cũng vái.

Nói xong nó cười ha hả rồi lại xua xua hai bàn tay ở trước mặt, tỏ vẻ xuề xòa:

— Cho qua, cho qua, cái trò của cậu không chơi được!

Một kế hoạch bị bác bỏ

Từ khoảng giữa năm 1978, đã có chỉ thị hướng dẫn về kế hoạch và nội dung huấn luyện cấp tốc để